

A soldier in a helmet and gear is walking away from a large fire in a field. The soldier is in the foreground, seen from behind, wearing a green helmet and a backpack. The fire is in the background, with thick black smoke rising into the sky. The scene is set in a field with green plants in the foreground.

CỎ CHÁY VÙNG BIÊN

TRUYỆN KÝ - HỒI ỨC CHIẾN TRƯỜNG K

NGUYỄN TUẤN

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



NGUYỄN TUẤN

Sinh năm 1960

Nhập ngũ 1978

Linh Trình sát Bộ binh

D8E29F307

Ra quân năm 1983

Công nhân, đã nghỉ hưu.

Lời giới thiệu

Mùa thu năm 1978, chàng trai Nguyễn Tuấn nhập ngũ. Mùa thu năm ấy, thanh niên ra trận nhiều quá. Các chàng trai Hà Nội tràn về các tỉnh Hà Nam, Hòa Bình... nhập vào các trung đoàn huấn luyện 582, 584... Chỉ ít ngày sau, những đoàn tàu quân sự đưa tất cả về Biên giới Tây Nam.

Vào chiến trường, những tân binh này, chưa biết đánh đấm thế nào. Mang tiếng huấn luyện ba tháng, nhưng chỉ được bắn mỗi ba viên đạn. Cũng chẳng biết có trúng mục tiêu hay không. Người báo bia, người ghi chép... báo là trúng. Thậm chí trúng với số điểm cao. Để tất cả vui. Để tất cả hãnh diện về khoe với người thân. Và, quan trọng hơn, để có khí thế vào trận.

Sau năm năm ở chiến trường, gặp địch hàng trăm trận, Nguyễn Tuấn may mắn còn sống. Được trở về. Về nhà giữa thời buổi khó khăn kinh khủng, như bao đồng đội, anh bị cơn lốc mưu sinh cuốn đi với vận tốc của cơn bão lớn. Tìm kiếm công việc; làm quen với môi trường mới, lấy vợ; sinh con; lo nuôi con lớn; lo chăm sóc cha mẹ; lo gây dựng cho mình một mái nhà; lo đấu tranh chống trù úm của các đồng nghiệp ở lại hậu phương; lo sa thải; rồi bị cho về “một cục”; lại lo thất nghiệp; lo con lớn có công ăn việc làm... và hàng trăm thứ lo không tên khác. Thời gian cứ vùn xoay người lính đến chóng mặt, vã mồ hôi. Ký ức chiến tranh tưởng như đã lùi xa, rất xa.

Biết kể cùng ai về những tháng năm xa xôi ấy ?

May mà, hàng năm, lính tráng nhớ ngày nhập ngũ, nên hội tụ. Nhưng trong hàng chục lần hội tụ ấy, hỏi có ai cùng nhớ chuyện chiến trường K ? Giữa không khí ồn ào, tay bắt mặt mừng ấy, chỉ là những chuyện cãi vã với nhau, hỏi thăm mấy câu xã giao, hẹn đi thăm đồng đội ở các tỉnh, rồi “đánh chén”; rồi hứng lên, đi hát karaoke mấy bài lính mục... rồi về ngủ khì. Bao ngày tháng, chu kỳ ấy cứ lần lượt trôi qua trên những mái đầu dần điểm bạc.

May sao, có một tiếng gọi thiêng liêng...

Tiếng gọi ấy cất lên từ những miền xa thẳm. Trong tâm linh người lính. Từ những nghĩa trang trên những miền đất chân trời, nơi bao đồng đội ngã xuống. Họ chết thay người sống. Họ nằm trong đất. Mặt ngửa lên trời. Họ im lặng. Họ có nói gì đâu. Họ có trách gì đâu. Nhưng nhìn họ, nhìn gương mặt tuổi 20 vô cùng đẹp, vô cùng trong sáng, trẻ hơn con mình bây giờ, buộc Nguyễn Tuấn và đồng đội, phải kể lại.

Tiếng gọi ấy cất lên ngay chính giữa hôm nay. Giữa cuộc đời bộn bề vận động. Hiện tại có gì để nói không? Lạ thật, rời quân ngũ, mỗi người lính trải qua nhiều môi trường sống khác nhau, nhưng tại sao, ai cũng không nhớ. Mà tất cả chỉ nhớ về một không gian, một thời gian. Không gian ấy, là những tỉnh Ratarakiri, là S'tung T'reng, là Siêm Riệp, là Preach Vihia xa xôi; Thời gian ấy, là những ngày áo lính bạc màu, quần đàng sau ra đàng trước, là vác AK khua sương đập mìn, là cơm vắt muối hầm, là bò tìm tàn thuốc, là mấy bài hát dân ca Kh'mer, là những đêm gác tử sỹ, là những phút giây chứng kiến đồng đội hấp hối, gửi những lời trăng trối vào rừng Miên... So sánh cái hôm nay và hôm qua, Nguyễn Tuấn cùng nhiều đồng đội khác càng biết thương nhớ và trân trọng cái quá khứ bé nhỏ ấy của mình.

Vâng, đối với nhiều người, đó chỉ là một cuộc chiến tranh bé nhỏ.

Bé nhỏ, vì nó chỉ kéo dài hơn 10 năm (1977-1989).

Bé nhỏ, vì nó ở rất xa.

Bé nhỏ, vì hàng ngàn, hàng vạn người lính hy sinh, nhưng ít khi được nhắc tới.

Bé nhỏ, vì cuộc sống mỗi ngày có bao nhiêu sự kiện dồn dập, chôn vùi nó.

Bé nhỏ vì rất nhiều lý do khác...

Nhưng cuộc chiến bé nhỏ ấy, nó cứ hiện ra, nó cứ trở về. Nó quấy rầy anh, nó ám ảnh anh, nó buộc anh phải kể về nó.

Kể ra để làm gì?

Cho chính anh. Cho ký ức không chết. Ký ức chết khi chính anh không nhớ.

Cho đồng đội anh. Họ đọc. Họ cùng nhớ. Họ cùng bổ sung. Và họ cùng nhớ lại. Trận ấy, ngày ấy, họ đang ở đâu ? Làm gì ? Ai sống ? Ai chết ? Ai bị thương ? Tất cả cùng nhớ. Ký ức tập thể được cùng ghi lại, sẽ tạo thành sức mạnh. Sức mạnh tinh thần. Sức mạnh thiêng liêng.

Và cho rất nhiều bạn đọc.

Những bạn đọc chân chính.

Những bạn đọc đã chán những quyển sách dày cộp nhạt nhẽo, những trang sách viết về chiến tranh một cách ráo hoảnh, những trang sách mà cả người viết lẫn người ca đều biết về chiến tranh một cách đại khái, qua loa... Có lẽ, qua cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, bạn đọc bây giờ mới được đọc những trang sách vô cùng trung thực về chiến tranh của những người lính trực tiếp chiến đấu ở Biên giới Tây Nam. Những trang sách của Phạm Sỹ Sáu, Lê Minh Quốc, Nguyễn Thành Nhân, Trung Sỹ, Nguyễn Vũ Điền, Bùi Quang Lâm cùng hàng trăm cây bút khác đã làm nên trào lưu văn học viết và văn học mạng về chiến trường K. Họ viết bằng chính máu xương của họ. Vì thế, tính trung thực được đồng đội soi tường tận. Độ tin cậy được đồng đội làm chứng. Làm chứng từng giờ, từng ngày, từng địa danh, từng tọa độ, từng nơi chôn cất hài cốt anh em... Những trang viết đó có sức nặng mà chỉ những người trong cuộc mới thấu hiểu, mới trân trọng, mới giữ gìn.

Sau hơn bốn mươi năm, Nguyễn Tuấn mới tập hợp những câu chuyện của mình thành một tập hồi ức, lấy tên là “Cỏ cháy vùng biên”. Cỏ là hình ảnh ẩn dụ của người lính. Có bị phạt ngọn, cỏ vẫn sống. Có bị gặm đạp, cỏ vẫn vươn. Có bị cuốc lật, cỏ vẫn hồi sinh. Có bị đốt, cỏ vẫn chờ thời mọc lại. Hình ảnh cỏ cháy tượng trưng cho cuộc chiến. Màu lửa là màu của trận chiến, của giao tranh, của sinh tử... Khái niệm vùng là những nơi dấu chân anh cùng đơn vị đi qua, là những địa danh lần đầu nghe trúc trắc nhưng khi đã thấm mồ hôi và chôn vùi máu xương đồng đội, lại trở nên vô cùng thân thương. Và vùng biên

là nơi những người lính ngày đêm canh giữ biên cương. Từ biên cương nước mình đến biên cương nước bạn. Giá trị của cuốn sách, tuy nhỏ bé, nhưng không thể đo lường.

Không có ước mơ nào mà không thể thực hiện, nếu bạn có ý chí và lòng kiên nhẫn. Nếu không có chiến tranh, Nguyễn Tuấn có thể trở thành một họa sỹ, một sinh viên văn khoa. Chỉ còn một năm nữa thôi là anh có thể dự thi vào đại học. Nhưng kẻ thù đã tràn qua biên giới. Bỏ sách. Bỏ bút. Cầm cây súng. Cầm địa bàn. Dẫn đơn vị đi chiến đấu. Rồi khi bình tâm, lại cầm bút. Cả bút vẽ và bút viết.

Một con người như vậy, cũng đủ cho hôm nay.

Một người lính như vậy, cũng đủ cho hôm nay.

Một cuốn sách như vậy, cũng đủ cho hôm nay.

Đoàn Tuấn

Ebook:



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Khát khao được kể

Cuối năm 1983 tôi được ra quân, là một người lính trải qua cuộc chiến khốc liệt tại chiến trường cực bắc Campuchia, kí ức vẫn còn ngồn ngộn những kỷ niệm bi hài trong mặt trận khiến tôi khát khao được kể lại những câu chuyện chiến trường để mọi người được thấu hiểu về cuộc chiến nơi đây. Chuyện chiến đấu, chuyện thiếu thốn vật chất, chuyện đồng đội hi sinh, chuyện đói khát, chuyện sinh tồn nơi hoang dã... nhiều nhiều lắm kể sao cho hết.

Đối mặt với cuộc sống mới đầy dẫy biến động, có muốn kể cũng không có dịp, cố kể cũng không ai nghe... đôi khi còn bị những lời dè bĩu sau lưng rằng:

- Thằng này hội chứng chiến tranh nặng quá rồi.

Hoặc:

- Thôi thôi chuyện chiến tranh qua rồi, hãy quên nó đi.

Rồi từ đó tôi cố quên đi, không hề nhắc lại những câu chuyện chiến trường, lao vào cuộc sống mới, kiếm kế sinh nhai, tìm những nguồn vui mới như điêu khắc dưa hấu, chơi hồ cá thủy sinh và chế tác bầu hồ lô...

Thấm thoát đã 40 năm, cuộc chiến tranh cũng đã lùi quá xa, Đồng đội vẫn họp mặt nhưng là mâm cỗ, li bia và chén rượu. Những câu chuyện chiến trường lúc đó cũng chỉ là chấp ghép, nhớ nhớ quên quên.

May mắn có mạng xã hội, tìm được đồng đội trên toàn quốc, may mắn Đoàn Tuấn người bạn cùng đơn vị tâm huyết viết nên cuốn hồi ký MÙA CHINH CHIẾN ẤY. Ký ức xưa lại sống dậy, nét mặt những đồng đội thân thương xưa lại hiện lên dần dần rõ nét... không hiểu sao tự nhiên tôi lại muốn viết, mặc dù TÔI KHÔNG PHẢI NHÀ VĂN. Chính tả, ngữ pháp còn sai tùm lum... nhưng tôi vẫn viết, viết để chứng minh rằng tôi đã từng chiến đấu ở nơi như thế, viết để cho đồng đội hồi tưởng về một chiến trường xưa, viết để cho người nằm xuống được hồi sinh... và để mọi người thêm yêu cuộc đời của mình hơn, hơn nữa.

Gần 60 bài viết trong 350 trang của cuốn CỎ CHÁY VÙNG BIÊN. Chưa đủ để thỏa mãn bạn đọc, nhưng cũng tạm đủ phác thảo một bức tranh ký họa về một đơn vị bộ binh cấp tiểu đoàn của đơn vị chúng tôi. Mong các bạn đón đọc và ủng hộ.

Từ bản photo đến cuốn sách in chuyên nghiệp

Từ những mẩu chuyện viết về cuộc sống thường ngày thú vị trong chiến trường, những cuộc hành quân liên miên trong rừng sâu, những sự hi sinh tốt cùng trong đau đớn của người lính. Những người lính của một đơn vị hoạt động trên các vùng biên giới, từ ngã ba Lào - Việt - Căm, đến biên giới Thái - Căm. Những câu chuyện đăng rải rác trên facebook, được nhiều đồng đội cùng các bạn đọc thích thú đón nhận, trong đó có cả những người chưa hề tham gia chiến đấu cũng vô cùng thú vị vì độ hấp dẫn của nó. Những câu chuyện tôi viết nhằm củng cố độ chân thực cho cuốn hồi ký “Mùa chinh chiến ấy” của Đoàn Tuấn - người cùng đơn vị, cũng là người bạn thân của tôi.

Những mẩu chuyện tưởng chừng đơn giản, như kể cho nhau nghe khi đang nhâm trà hoặc chém gió bên mấy vại bia. Nhưng rồi được nhiều người khuyến khích, nên gom hết lại in thành sách. Trình độ viết văn còn rất nhiều hạn chế, chính tả sai tùm lum,... làm sao dám in thành một cuốn sách có trình bày công phu? Trong thâm tâm tự nghĩ, mình đưa đến nhà xuất bản, biết đâu vài tháng, vài năm sau, bản thảo vẫn ngủ vùi trong máy tính ở đó?...

Nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn tập hợp những mẩu chuyện của mình, trình bày thành hệ thống thật hợp lý. Lên máy tính chuyển khổ chữ, chèn những bức minh họa chính tay tôi vẽ vào từng câu chuyện, xem ra rất gọn mắt; rồi nhờ Đoàn Tuấn mang ra hiệu photo in thành 2 cuốn khổ A5. Cầm 2 cuốn sách in photo gáy dán bằng băng dính, mặt in chưa tràn bìa mà trong lòng vẫn rộn ràng khó tả: từ nay ta có một cuốn sách của riêng mình. Dù sách photo không đẹp, nhưng có cái để tặng nhau trong những lần họp mặt anh em cùng đơn vị. Ngay hôm sau, đăng lên facebook khoe với mọi người, để cùng chia sẻ nỗi hân hoan vô bờ bến. Nhưng những người từng làm văn phòng, quen lập bản thảo đã phát hiện ra ngay nhiều lỗi trong trình bày, nào là lệch tên bài, lệch lề in, cự ly không chuẩn mực... Do

trình độ vi tính còn hạn chế, tôi loay hoay mãi mới chỉnh sửa được như ý muốn. Còn nhiều vấn đề khó khăn về chính tả, đặt dấu và câu từ không được nuốt nà...

Rất may, có một người đồng đội, người em từng theo dõi các trang facebook CCB, từng biên tập và chế bản 8 kỳ “Đường về gian nan” tặng tôi - nhiệt tình giúp đỡ. Người em CCB đó là Huỳnh Sương, ở tận cuối miền Trung xa xôi chưa từng biết mặt. Huỳnh Sương thường xuyên chủ động hỏi thăm, khích lệ rồi đề nghị biên tập sách cho tôi. Hằng đêm, hai anh em trao đổi qua messenger, chỉnh sửa từng từ, từng câu văn, từng tiêu đề; bàn bạc từng mẩu chuyện, tranh luận từng tên núi, tên phum, từng con đường mòn, từng cự ly, hướng tuyến di chuyển... Huỳnh Sương là người Quảng Ngãi, tính nguyên tắc cẩn thận đến mức quá khắt khe, hỏi rất kỹ từng địa danh, từng tọa độ trên bản đồ, tên phum bản cũng phải được sửa lại thật chính xác... Không nói dấu mọi người: lắm lúc tôi toát mồ hôi về những câu hỏi của Huỳnh Sương, những câu hỏi về nghiệp vụ trình sát, như đường hướng, địa danh, bình độ..., nếu không phải trình sát thì bó tay. Thậm chí, một đại từ nhân xưng của tôi với một đồng đội cũng bị Huỳnh Sương đặt vấn đề, cho rằng nó không đúng chất lính và không hợp ngữ cảnh, làm 2 anh em tranh luận suốt buổi qua mấy chục tin nhắn qua lại... Và một điều đáng quý nữa, là mặc dù rất khắt khe kỹ lưỡng như vậy, nhưng em ấy rất tôn trọng nguyên bản, luôn trao đổi rất sâu với tôi trước khi sửa từng từ, từng câu, từng danh từ riêng...

Sau 2 tháng với 6 lần biên tập, bản thảo tạm hoàn chỉnh để dàn trang, chế bản. Không biết bằng cách nào, Huỳnh Sương liên hệ và giới thiệu cho tôi một nhà thơ tên tuổi ở Sài Gòn, có Công ty riêng chuyên in ấn và phát hành sách văn học; và nằng nặc thuyết phục tôi phải làm cho ra một cuốn sách chuyên nghiệp!... Thôi thì nghe người trẻ hơn cũng có gì sai, nhất là khi người đó lại vô tư hết lòng ủng hộ mình! Cũng phải nói thêm, Huỳnh Sương là một tay thuyết khách có hạng, và tôi cũng không biết em đó làm gì mà có vẻ rành giới văn chương,

xuất bản?... Lần này quyết định in thành sách, nhưng kinh phí không đủ. May nhờ mọi người nhiệt tình ủng hộ, phải nhấn mạnh sự nhiệt tình của những người giúp đỡ, tài trợ cho tôi. Trải qua bao hồi hộp đợi chờ chế bản, làm bìa, xin giấy phép..., rồi cũng có CỎ CHÁY VÙNG BIÊN.

Xin cảm ơn Huỳnh Sương!

Xin cảm ơn Châu Nguyễn Liên, Toàn Nguyễn, Tuan Doan, Ha Bui Thi, Trần Đạm Phương, Hong Thuy Nguyen, Trần Minh Phương và tất cả những người ủng hộ cho cuốn sách được quảng bá khắp mọi miền Tổ quốc!

Bình dị mà lấp lánh

Một bài viết của [Huỳnh Sương](#) người 6 lần soạn thảo và chỉnh sửa bản thảo CỎ CHÁY VÙNG BIÊN

5 năm, chỉ là một phần mấy mươi đời người.

5 năm hùng hực tuổi xuân lẫn lộn nơi khét lẹt đạn bom, chốn rừng núi âm u đầy chết chóc xứ người, ai có thể quên?...

KHI KÝ ỨC CỰA QUẬY...

Thật vui mừng khi những năm gần đây, liên tiếp xuất hiện những tác phẩm hồi ức của các anh Cựu chiến binh chiến trường Campuchia (CCB chiến trường K). Cuộc chiến tranh bên ngoài lãnh thổ đang đặng đặng 10 năm chưa được nhắc nhiều trong sử liệu chính thức và trong văn chương, nay đã được chính những người trong cuộc chia sẻ. Các anh là lính trinh sát, thông tin, bộ binh, hỏa lực hay vận tải..., những người dưới tầng đáy của cuộc chiến, đã bao lần cận kề cái chết. Về đời thường va đập với thực tế gập ghềnh khắc nghiệt, bị cuộc sống bao cấp quăng quật đến tả tơi, mỗi người mỗi cảnh... Qua tuổi trung niên, ký ức 40 năm trước từng ngày cồn cào cựa quậy, lớn dần rồi tung đập, thôi thúc, các anh đã giải phóng nó thành những tác phẩm được người đọc đón chờ, trân trọng và tâm đắc.

Không như những cuộc chiến tranh khác được giới văn-sử học chuyên nghiệp mô tả có định hướng, những người lính mục lẫn lộn trong đạn lửa năm xưa kể lại cuộc chiến này bằng góc nhìn thực tế đến trần trụi, bằng cảm xúc chân thực đến xót xa... Những câu chuyện của các anh không chỉ góp thêm một mảng mới lạ, lôi cuốn cho văn chương Việt, mà còn là những minh họa chân thật, sống động cho một chương lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam.

Bộ 4 mùa, gồm *Mùa chinh chiến ấy*, *Mùa linh cảm* (Đoàn Tuấn), *Mùa xa nhà* (Nguyễn Thành Nhân) và *Rừng khộp mùa thay lá* (Nguyễn Vũ Điền) là bộ sưu tập đẹp cho những ai đồng

cảm. *Chuyện lính Tây Nam* (Trung sỹ), *Đất K* (Bùi Quang Lâm),... là những bổ sung đáng quý. Và anh Phạm Sỹ Sáu, chỉ với bài thơ “*Gởi bạn bè làm xong nghĩa vụ*” đã là nhà thơ trong lòng không chỉ các thế hệ CCB chiến trường K, mà cả đông đảo người đọc yêu văn chương đích thực.

Các anh đã cầm súng, để giữ yên biên cương gấm vóc. Không cần tôn vinh, không màng tưởng thưởng. Các anh lại cầm viết, để lan tỏa nét sống đẹp cho bao người. Chợt nhớ câu thơ của Lê Tiến Vương:

“... Từ trong khói lửa đao binh

Bước ra, ngắm cái bóng mình cũng oai...”

BÌNH DI MÀ LẤP LÁNH

Ngoài những tác phẩm đã thành tấm món, rất nhiều câu chuyện rải rác trên các trang mạng do các cá nhân, hội nhóm CCB chiến trường K miệt mài chia sẻ... Nổi bật là trang [Hồi ức chiến binh F307](#) và trang cá nhân anh Nguyễn Tuấn, lính trinh sát D8 E29 F307. Nguồn dữ liệu ngồn ngộn, nội dung đa dạng, như một bộ phim dài tập về tất cả các hoạt động của một tiểu đoàn bộ binh Quân tình nguyện Việt Nam ở Đông bắc Campuchia những năm 1978-1983.

5 năm chiến đấu và tồn tại đầy khói lửa khốc liệt của chàng trinh sát 18 tuổi, bước thẳng từ lớp 10 Trương Định (Hà Nội) vào chiến trường, được người đàn ông qua tuổi trung niên, đã gặm nhấm đủ giông bão đường đời kể lại từng chi tiết chân thực sống động, qua cái nhìn điềm tĩnh bao dung, thấm đẫm tình người, tình đồng đội.

Với trí nhớ tuyệt vời đến từng câu nói, từng chi tiết, bằng lời văn trong sáng, mộc mạc, tác giả đưa người đọc quay ngược 40 năm, vượt mấy ngàn cây số để sống cùng tiểu đoàn năm xưa trong rừng Preah Vihear.

Những câu chuyện nồng nặc mùi thuốc súng, vang rền không dứt tiếng đạn pháo đổ rục chằng chịt trời đêm rừng khộp; những câu chuyện ướt đẫm nước mắt ngậm ngùi xót xa

khi đồng đội hy sinh; chan chứa tình đồng đội, tình yêu quê hương đất nước qua những sự việc rất đời, rất lính.

Người đọc như dựng tóc gáy nghe tiếng nổ lộng óc cùng ánh chớp vàng chét chóc bất ngờ của quả mìn KP2 sau ụ mồi (Đường lên C6); dư vị chén miến công chưa tan đã nghẹn ngào nghe tin anh Trưng dính mìn (Nồi miến công); cùng căng thẳng đến nghẹt thở trong đêm 30 Tết bị địch tập kích (Trận phản công đêm 30 Tết), rồi nghe ngọt lịm thơm lừng miếng thịt kỳ đà gần cao điểm 547 do anh Thùm chế biến (Thịt kỳ đà)...

Đúng như nhân diện của anh, giữa những con chữ là tình đồng đội sâu nặng xuyên suốt, cô đọng trong nhiều tình huống, từ với anh thanh niên đường phố ngang tàng Tân Cu Lũng (Tân Cu Lũng) đến anh Phúc tân binh tội nghiệp (Canh tử sĩ); từ anh Quân lé say bồ đà đòi chiến cả đại đội (Cỏ ảo giác) đến anh Khánh xéch rất năng lực, cá tính nhưng luôn hết lòng với đồng đội (Trên đồi Con Cá)... Với từng người, trong từng tình huống, bằng cái tâm trong sáng sâu nặng tình người, tình đồng chí của mình, anh luôn phát hiện và ngợi ca ưu điểm của đồng đội, những anh lính phối thuộc, với các quân binh chủng khác và vị tha với cả kẻ thù, tù binh...

Những chỉ huy các cấp, mà tiêu biểu là Bộ Lược - vị Trung đoàn phó uy phong dũng mãnh, được tất cả lính E29 mãi mãi hết lòng tôn vinh, nể phục - đến với người đọc qua hình ảnh rất trân trọng oai nghiêm nhưng cũng rất đổi bình dị, thân thương gần bó. Sự hy sinh oanh liệt của các anh làm ai cũng lặng người, rưng rưng ngậm ngùi thương tiếc...

Ngay cả tiêu đề “Tiên sư thiên thần!” như một lời oán trách, thì suốt đến câu cuối cùng vẫn là nỗi khắc khoải ngóng trông trực thăng đến để cứu những thương binh. Và còn gì chân thực, đồng cảm hơn câu “Mặc kệ các nàng, cơn ngựa còn mạnh hơn cả sự xấu hổ!” (Giếng nước tiểu đội trinh sát)?...

Chúc mừng anh đã có “Cỏ cháy vùng biên”!

Đúng là

Không học hàm, học vị
không văn nhân, thi sĩ
Bình dị mà lấp lánh
Ký ức anh đã ghi.

Chúc mừng thê đội những người cầm bút từng mặc áo lính,
vốn đã điệp trùng hùng hậu - nay lại được bổ sung một tay viết
đặc sắc, đầy hứa hẹn!

Và chia vui cùng bạn đọc, vừa có thêm một tác phẩm độc
đáo, hấp dẫn và giá trị!

NHỮNG BÔNG HOA KHÔNG CẦN CHỈ THỊ^(*)

Anh Trần Phương, người con Mộ Đức nặng nghĩa vẹn tình,
người lính vận tải E95 đã 5 năm lặn lội Đông bắc Campuchia,
người cựu giáo viên Toán THPT Krong Pak với rất nhiều bài dài
sâu sắc, giàu nhân văn, đi đến tận cùng góc ngách tâm lý con
người, là cái tên quen thuộc trên trang sáng tác của nhiều tờ
báo, tạp chí uy tín...

Chỉ với bài “Gọi gà”, anh Lê Minh Thư D7 E29 đã làm say lòng
biết bao người đọc. Cách dùng cụm từ “hay hay, đều đều, buồn
cười” lặp lại 3 lần trong 3 câu liên tiếp quá độc đáo, bất ngờ và
đầy sáng tạo, bản lĩnh hiếm có! Văn anh mượt mà, tự nhiên,
không cần gọt giũa. Những câu chuyện “Lên chốt”, “Trên chốt”,
“Xuống chốt”, “Mùi chuối”... vừa dòn dập khói lửa đậm chất
lính chiến, nhưng cũng rất thư thả, sâu lắng và hóm hỉnh.

Một người con Quảng Ngãi khác, anh Dương Văn Y, qua loạt
bài “Sống ở tiền đồn” và nhiều bài khác, đã đem đến cho người
đọc một góc nhỏ cuộc sống và chiến đấu đầy khắc nghiệt và
khốc liệt của một đơn vị hỏa lực độc lập của E29.

Các anh Lê Huy Chiêu - trinh sát pháo E576, Nguyễn Thái Vũ
- C15E29, Đào Long Đỗ D7 E29... cũng có những bài đậm đà
truyền cảm, lan tỏa những câu chuyện đẹp.

Ngoài ra, không thể quên nhiều câu chuyện sâu sắc, ý nghĩa,
rất lính ở Sisophon, Poipet, Pailin, Cao Melai,... của các anh
thuộc QK7, QK9, QĐ4 và nhiều đơn vị khác...

Mỗi câu chuyện ở một địa danh khác nhau, trong những thời điểm khác nhau, mang một sắc thái khác nhau... Nhưng tất cả đều khắc đậm trong lòng người đọc sự gan dạ dũng cảm, trí thông minh tài hoa, khả năng thích nghi tuyệt vời để tồn tại, chiến đấu và chiến thắng của những người lính tình nguyện Việt Nam trên chiến trường K. Và điều bao trùm lên tất cả, đậm nét nhất nằm ở chính những khoảng trống giữa các ký tự: tình người.

Mỗi quãng đời chiến đấu oanh liệt và tồn tại đầy thử thách của các anh, mỗi câu chuyện chân thực sinh động giàu tính giáo dục của các anh đã là một bông hoa đẹp. Đã và sẽ có rất nhiều bạn đọc thuộc nhiều thế hệ, ở khắp vùng miền hân hoan đồng cảm, chân thành ngưỡng mộ và trân trọng tôn vinh!

Hoa đến thời thì phải nở, cần gì chỉ thị hay nghị quyết?

22 giờ, 29/04/2022

Huỳnh Sương

Thơ Lê Đức Dục.

Bài viết của Huỳnh Sương

1

Từ cảm hứng, chia sẻ khi đọc 8 phần “Đường về gian nan”, mình chủ động liên hệ với Anh Tuấn, tâm sự và động viên nhiều lần rồi biên tập, chế bản mẫu phần này gửi Anh Tuấn. Anh rất thích và tấm tắc với bản thảo đó, nhưng Anh lại rất khiêm nhường và không tin gửi đăng báo được, chứ chưa nói ra sách... Rồi Anh đồng ý giao mình toàn bộ tư liệu để biên tập và chế bản.

2 anh em trao đổi, tranh luận (qua messenger) trong ca làm việc trùng giờ từ 2 nơi cách nhau gần 1500km suốt hơn 4 tháng để hoàn chỉnh bản thảo “Cỏ cháy vùng biên”. Rất nhiều khi chỉ một tên phum/tên núi, một hướng hành quân, một cự ly-thời gian di chuyển, một con đường,... cũng làm 2 anh em tranh luận 3-4 giờ liền! Tên tác phẩm và hình bìa 1 cũng chiếm vài buổi của 2 anh em. Anh không rành IT lắm, nhưng đánh dấu, ghi chú trên bản đồ rất chính xác. Anh là Trinh sát lão luyện của D8 E29, một tiểu đoàn chủ công trên chiến trường nhưng khi mình trình bày, phân tích những thông tin, dữ liệu (kết hợp với bản đồ) hợp lý, chính xác hơn, Anh vẫn rất cầu thị công nhận. Thậm chí sau chỉ vài buổi đầu trao đổi, Anh còn “phong” cho mình chức danh “Trinh sát chiến lược BQP tăng cường”!? (1 chức danh không có thực!)

Anh không có ý định cụ thể về ngày in ấn phát hành (nhân ngày truyền thống Sư đoàn hay 30/04?...) hoặc ngại không nói, nhưng mình cố gắng hoàn thiện bản thảo và gửi Anh đúng ngày 27 Tết. Cũng may cho mình (và cả cho Anh) là trong mấy tháng đó, công việc trong ca vận hành của mình không có nhiều sự cố, sự việc đột xuất... nên gần như cả đêm mình đọc và sửa bản thảo, tra tài liệu, bản đồ, làm mục lục, phác họa bìa,... 5 giờ sáng giải lao châm điếu thuốc tự thưởng, chợt nhớ lại một từ chưa vừa ý hay lóe lên một ý khác, lại vùng dậy ngồi laptop tiếp tục, đó là hình ảnh quen thuộc của mình lặp lại nhiều lần trong mấy tháng đó...

Rồi giới thiệu Cty xuất bản để Anh làm việc trực tiếp, in ở NXB Hội Nhà văn Việt Nam. Anh còn nặng trách nhiệm với gia đình - dòng họ... nên rất áy náy về chi phí ra sách. Mình chủ động đề nghị hỗ trợ một phần hoặc thậm chí in tặng Anh bằng máy in vi tính khoảng 200 bản khổ A5 (để Anh tặng đồng đội F307)... Nhưng bằng lòng tự trọng, bằng bản lĩnh của một người lính trinh sát đã qua 5 năm ở chiến trường cùng sự hỗ trợ của một số Anh đồng đội, người quen, Anh vẫn in được sách đàng hoàng, dù buổi ra mắt không được tương xứng với tâm huyết của Anh và sức nặng của tác phẩm.

Anh nhờ mình viết một bài “tổng kết” quá trình liên hệ, trao đổi và tất cả những việc sau đó đến khi ra sách, để Anh đăng lên 2 trang facebook của Anh. Thay vào đó, mình viết 1 bài có tính tổng kết, tôn vinh các tác phẩm, các bài viết (đã và chưa in, kể cả trên các trang cá nhân không phổ biến) về Quân tình nguyện Việt Nam ở chiến trường K, là bài “Bình dị mà lấp lánh” mà Anh đã đăng lên 2 fb, trong đó phần 2 (phần chính - trùng tên “Bình dị mà lấp lánh”) viết riêng về “Cỏ cháy vùng biên” của Anh Tuấn.

Thật vui mừng khi đọc những đánh giá tích cực chân thành từ các Anh đồng đội của Anh, của người đọc khắp mọi miền đất nước (trên các trang của Anh) về “Cỏ cháy vùng biên”. Cứ vài bữa lại hỏi thăm Anh về tình hình phát hành sách, ngoài lượng biếu tặng có đủ bù chi phí giấy phép, in ấn không?...

2 Anh em tự tám tặc với nhau “2 ông chả văn nhân thi sĩ gì mà dám làm sách!” và còn tính đến việc in nổi bản “Cỏ cháy vùng biên”... Giai đoạn đó, tinh thần Anh rất lạc quan. Mình hay chọc Anh là “Nhà văn trẻ”. Anh có nhiều tác phẩm điêu khắc, hồ thủy sinh; Anh lại có thêm một số bài viết mới về lính và một số bài khác cũng rất ý nghĩa và chất lượng. Thấy vậy, mình lại động viên Anh cố gắng viết thêm đủ để in một cuốn khác về lính... Anh lại có ý tưởng viết về những ký ức Hà Nội thời niên thiếu và giai đoạn sau khi xuất ngũ. Mình hết sức ủng hộ Anh và muốn nâng những câu chuyện rời rạc thành 1 cuốn tầm 3-400 trang. Rất tâm đắc với ý kiến của mình nhưng với

bản tính khiêm nhường cố hữu, Anh lại sợ không đủ dữ liệu, dữ liệu không đắt để in sách...

Ấp ủ dự định dịp nào ra Hà Nội, cùng Anh (và nếu có thể là với những Anh đồng đội của Anh ở Hà Nội) nhâm nhi vài ly tại một nơi nào đó thật đặc trưng Hà Nội, vậy mà... Một con người nhân hậu, khiêm nhường, trách nhiệm và tài năng, mới hôm kia còn đăng bài TIỆM ẢNH “GIÃ TỪ CUỘC CHIẾN”.

Vĩnh biệt nhé, Anh Tuấn! Vậy là “Nhà văn trẻ” và “Biên tập viên tay ngang” không được cụng ly mừng “Cỏ cháy vùng biên”. Vậy là “Trình sát chiến lược BQP” chưa được Trình sát D8 E29 khao chả cá Lã Vọng rồi!...

Một lần nữa, xin chân thành chia buồn cùng gia đình Anh Tuấn, người Anh-đồng đội thế hệ trước, người nghệ sĩ có đôi tay tài hoa và tấm lòng vẹn toàn trách nhiệm, một Trình sát chiến trường lão luyện, bản lĩnh nhưng lại rất dung dị, khiêm nhường!

Xin chia buồn với các Anh CCB F307, những người - cũng như tất cả chúng ta - sẽ không được đọc 2 cuốn sách mới của Anh Tuấn!

Trân trọng!

Huỳnh Sương.

22g05' 17/04/2024.

2

Thực ra, quá trình làm “Cỏ cháy vùng biên” không quá lâu nhưng còn rất nhiều chi tiết thú vị mình chưa kể, vì 2 anh em trao đổi gần như hàng ngày trong hơn 4 tháng liền (và cả sau khi ra sách). Lượng tài liệu, bản đồ, tin nhắn,... trao đổi qua lại hơn 400 file mình lưu trong 1 folder “NT”...

Chỉ cần vài làn trò chuyện, đã thấy Anh Tuấn là người rất trách nhiệm (với gia đình, với đồng đội, với xã hội, với câu chữ mình viết,...), rất khiêm nhường và nhân hậu. Anh rất chân thành tâm sự với mình cả những khó khăn, thất bại trên đường đời và rất tâm đắc với những phân tích, gợi ý của mình... 2 anh em có hoàn cảnh gần giống nhau nên rất dễ đồng cảm, gần như

có nhận định trùng khớp nhau về hầu hết những sự việc đề cập.

Khi “Cỏ cháy vùng biên” đã phát hành, Anh muốn mình viết về quá trình 2 anh em làm ra nó để đăng facebook, như một lời cảm ơn mình. Thay vì vậy, mình viết “Bình dị mà lấp lánh” để tôn vinh những tác phẩm/bài viết của tất cả các anh CCB chiến trường K mà hoàn toàn không đề cập gì đến quá trình làm “Cỏ cháy vùng biên”. Trong bài đó, dành riêng phần chính (phần 2, trùng tên “Bình dị mà lấp lánh”) để tôn vinh “Cỏ cháy vùng biên”. Cái tứ “bình dị mà lấp lánh” đột nhiên lóe lên, mình dùng làm tên bài viết và cảm tác thành một bài thơ ngũ ngôn tặng Anh và để làm kết phần đó. Anh Tuấn rất tâm đắc với bài viết và bài thơ đó, và nói “văn chú đạt tâm cao đó!”. Lúc rảnh đọc lại, càng thấy hình tượng “bình dị mà lấp lánh” quá đúng với con người Anh! Định viết bài thơ đó dưới dạng thư pháp gửi cho Anh, để Anh điêu khắc thành bức tranh gỗ làm kỷ niệm.

Không thể nào quên gương mặt nhân hậu, giọng nói trầm ấm, khiêm nhường, cầu thị pha chút chịu đựng... của anh Tuấn trong suốt gần 4 tháng trời 2 anh em trao đổi, bàn luận... để hoàn thiện bản thảo “Cỏ cháy vùng biên”. Tất cả đều vào ban đêm, trong ca trực của Anh ở VVSĐT (Hà Nội) và trong ca trực của mình ở 1 TBA 110kV (Khánh Hòa)...

Khi ra sách và đến tận bây giờ, 2 anh em vẫn chưa 1 lần gặp mặt trực tiếp, dù Anh nhiều lần mời ra Hà Nội chơi. Vậy mà...

Vẫn biết sinh có hạn tử bất kỳ, nhưng sao những người nhân hậu và tài năng cứ ra đi sớm?

Thành kính chia buồn cùng gia đình Anh Tuấn và tất cả các Anh đồng đội F307!...

Đôi điều cảm nhận về tập hồi ức “Cỏ cháy vùng biên” của Nguyễn Tuấn

Đỗ Ngọc Hanh

Có lẽ bởi chúng tôi từng là người lính một thời tuổi trẻ dữ dội nơi chiến trường ác liệt nên có một sự đồng cảm sâu sắc. Và nữa, cũng có thể nói đó là cái duyên đã đưa chúng tôi đến với nhau.

Là thành viên của trang CHIẾN TRANH BIÊN GIỚI TÂY NAM VÀ GIẢI PHÓNG CAMPUCHIA, tôi đã quen được nhiều người bạn mới, đó là những đàn anh đã từng là người lính tình nguyện chiến đấu bên ngoài Tổ Quốc, đó là những năm tháng không thể nào quên trong cuộc đời các anh.

Là một người khá là ham đọc, tuy không đến mức như Đoàn Tuấn hay Lê Minh Quốc nhưng có lẽ tôi cũng giống như Nguyễn Vũ Điền thời sinh viên, mỗi lần vào thư viện của trường, mắt la mày lém, dáo dác kiếm tìm. Và khi bước ra khỏi phòng, thế nào cũng thủ được ít nhất là một quyển sách giấu trong lưng quần. Để rồi đêm về mới bỏ ra đọc một cách ngấu ngiến.

Có lẽ việc đọc sách nhiều nó làm người ta sống đẹp hơn, nhân văn hơn chẳng...

Nhất là với những trang viết của người lính đã từng nếm trải mọi thứ khốc liệt của chiến tranh, nó sống động, chân thực đến từng chi tiết. Chính điều đó đã làm nên sức hút của những tập hồi ký của Đoàn Tuấn, Nguyễn Vũ Điền, Trung Sỹ, Lê Minh Quốc... Cho đến nay tôi cũng đã bổ sung cho bộ sưu tập của mình các tác phẩm của Đoàn Tuấn với Mùa Chinh chiến Ấy, Nguyễn Vũ Điền với Rừng Khộp Mùa Thay Lá, Nguyễn Thành Nhân với Mùa Xa Nhà... và hôm nay là Cỏ Cháy Vùng Biên của Nguyễn Tuấn, người lính trinh sát của Tiểu đoàn 8, trung đoàn 29, sư đoàn 307, chiến trường Campuchia.

Là một người lính, chưa từng được đào tạo qua một lớp nghiệp vụ viết văn nào. Nhưng với một khả năng thiên bẩm,

cộng với một tài sản tinh thần ăm ắp những tư liệu chiến trường, (tài sản vật chất của Nguyễn Tuấn khi rời khỏi chiến trường k chỉ vốn vẹn có mấy bộ quần áo cũ, hai bi đông mật ong rừng và một ít hạt mã tiền về làm quà cho bố), những trang viết của Nguyễn Tuấn thật là sống động, máu lửa và chân thật đến tận cùng. Đó cũng chính là nét riêng của văn Nguyễn Tuấn, không bóng bẩy tô màu, không khoa trương ngôn từ. Chỉ là những lời chân thành, giản dị của lính, cùng đồng cam cộng khổ, sống chết có nhau, họ gọi nhau bằng hai từ Đồng hương thật là thân thương, ăm ắp.

Giữa chiến trường CPC ác liệt, mỗi một ngày trôi qua, mỗi người lính là một số phận con người, có biết bao nhiêu chuyện đáng để kể, để viết. Đó chính là mảnh đất màu mỡ để bàn tay chỉ quen cầm địa bàn của Nguyễn Tuấn gieo những hạt mầm văn chương, sinh sôi nảy nở và phát triển.

Năm năm trời lăn lóc trên chiến trường Cầm phu chia, là một người lính trinh sát với nhiệm vụ cắt rừng dẫn đơn vị đi chiến đấu. Nguyễn Tuấn đã chứng kiến bao cái chết đau đớn, tức tưởi của đồng đội khi vấp mìn địch, hai ống chân nát bươm, máu chảy ra xối xả, quần quai một lúc rồi lịm hẳn. Những người lính tuổi mới 18, 20 ấy đã vội vã lìa xa thế giới, chỉ kịp kêu lên hai tiếng Mẹ ơi!

Năm năm trời làm bạn với rừng già, xứ sở của sốt rét, của ruồi, muỗi, chịu đựng đủ nỗi khổ ải, thiếu thốn trăm bề của lính mục. Cái cảm xúc bưng bưng căm giận khi nghe tin Trung Quốc xua quân đánh chiếm 6 tỉnh biên giới phía Bắc của lính chiến trường k. Ai cũng mong muốn được về nước đánh giặc Tàu, dù có chết trên quê hương đất nước của mình cũng “sướng” hơn hy sinh ở nơi xa lạ xứ người. Rồi khi nghe tin mình sẽ được giải quyết chính sách, sắp được trở về với đất mẹ thân yêu, được nghe tiếng nói dịu dàng của người con gái Việt Nam bấy lâu hằng mong ước.

Cái cảm giác sung sướng như vỡ òa, khắp người và chân tay như nhào ra, đứng không nổi, ngồi phệt xuống một thân cây

đổ. Và nước mắt cứ từ đâu ứa ra, khóc như một đứa trẻ, khóc như chưa bao giờ được khóc...

Bao nhiêu cảm xúc đã dồn nén tận nơi sâu thẳm của tâm hồn, tới tận cùng của sự chịu đựng, thử thách lúc này mới được bung ra, như mưa như gió, tưởng như không gì có thể cưỡng lại được.

Chính những năm tháng gian khổ, ác liệt ấy lại là nguồn tư liệu quý giá mà phải trả bằng sự trải nghiệm, bằng máu, bằng nước mắt, mới có được. Những chuyện của lính chiến trường k, tuy rất nhỏ nhưng thật vô giá, như những viên ngọc vùi lấp trong cát, chỉ cần một bàn tay người mài rũa đã trở nên lấp lánh giá trị lịch sử của nó. Để giờ đây có thời gian chiêm nghiệm lại một quãng đời trẻ trai mình đã trải qua, tất cả bỗng sống dậy, lung linh, nóng hổi như vừa xảy ra hôm qua, thôi thúc Nguyễn Tuấn phải viết lại, cho mình, cho đồng đội, cho người sống và cả những người bạn đã chết cho mình được sống...

Tôi có thói quen khi đọc sách, nhất là sách của những người lính cầm bút, những đồng đội của mình. Tôi không đọc lần lượt theo trình tự, mà điểm qua Mục Lục một lần, phần nào cảm thấy ấn tượng nhất thì đọc trước.

Riêng về tập hồi ức của Nguyễn Tuấn, tôi ấn tượng nhất với phần Gian Nan Đường Về. Đọc mà hồi hộp, day dứt, lo lắng y như mình là người trong cuộc vậy. Hai trăm con người, không tác sắt trong tay, hành quân bộ mấy trăm cây số, giữa muôn vàn hiểm nguy, bất trắc chực chờ. Những con đường mòn đầy mìn địch, rồi những ổ phục kích của bọn Pốt có thể gặp bất cứ nơi nào. Chỉ cần chúng có mấy tay súng thô cũng đủ để “làm thịt” 200 con người không tác sắt trong tay như làm thịt một bầy cừ non vậy.

Sao các cấp chỉ huy lại vô tâm đến vậy, vô cảm với cả tính mạng của lính, mấy trăm con người.

Thật may và cũng thật thót tim, lạ trời, các anh cũng về đến đất mẹ an toàn.

Đời thằg lính mục,
Ăn cơm cục
Uống nước đục
Không đi thì trên giục
Đi thì địch phục
Tối về ngủ gục
Đi đôi giày bục
Chán đời hay chửi tục...

Lính tráng thường tếu táo hát với nhau như vậy. Đời lính tình nguyện, chiến đấu bên ngoài Tổ Quốc, gian khổ, hy sinh nhiều lắm, thiếu thốn khổ cực, hiểm nguy rình rập trăm bề. Mà kì lạ thay, không quên được suốt cả cuộc đời. Đó vẫn là quãng đời đẹp nhất, đáng sống nhất. Chính những người lính mục ấy đã làm nên lịch sử, đã cứu giúp cả một dân tộc thoát khỏi nạn diệt chủng, cũng chính là để bảo vệ Tổ Quốc từ xa.

Để hôm nay đất nước Campuchia đã hồi sinh và phát triển mạnh mẽ.

Hôm nay, những người lính như Nguyễn Tuấn mỗi khi gặp nhau cùng ôn lại một thời tuổi trẻ, họ có quyền tự hào ngẩng cao đầu vì mình đã từng sống làm một người lính chân chính, đã cống hiến cả tuổi xuân đẹp đẽ nhất cho đất nước.

Nói như Đoàn Tuấn, “... nếu không có chiến tranh, Nguyễn Tuấn có thể trở thành một họa sĩ, một sinh viên Văn khoa. Nhưng kẻ thù đã tràn qua biên giới. Bỏ sách, bỏ bút. Cầm cây súng, cầm địa bàn. Dẫn đơn vị đi chiến đấu. Rồi khi bình tâm, lại cầm bút. Cả bút viết và bút vẽ.

Một con người như vậy, cũng đủ cho hôm nay.

Một người lính như vậy, cũng đủ cho hôm nay.

Một cuốn sách như vậy, cũng đủ cho hôm nay.”

Chúc mừng anh Nguyễn Tuấn với đứa con tinh thần ấp ủ và gửi gắm cả đời lính, cả một thời tuổi xuân đẹp nhất của mình!

Lâm Đồng, 17/04/2022

Đỗ Ngọc Hanh

Sao lại là “Cỏ cháy vùng biên”

Lê Minh Thư

Tôi cầm cuốn *Cỏ cháy vùng biên* Tuấn “chim cu” mới tặng đặt lên bàn. Nhấp ngụm trà, rít một hơi thuốc, đeo kính lên định đọc sách. Con gái tôi từ đằng sau đi đến, cầm sách lên, ngắm nghía rồi nói:

- Sách đẹp thế! Bố được tặng à!

- Ấu.

Nó lật xem vài tờ, bỗng nói:

- Không phải của Đoàn Tuấn à!

Nheo một bên mắt, nhếch môi một bên, tôi nói:

- Đây là sách do bác Nguyễn Tuấn, đồng đội của bố viết về những năm tháng chiến đấu đầy cam go khốc liệt của bộ đội Việt Nam trên mảnh đất biên cương Thái Lan - Campuchia. Bác Đoàn Tuấn chỉ viết *Lời tựa* cho quyển này thôi. Còn có rất nhiều người viết sách hồi ức về chiến trường K nữa mà.

- Thế, sao lại là *Cỏ cháy vùng biên* hả bố?

Câu hỏi này tôi cũng chưa biết, đành suy diễn trả lời “phứa”:

- À, là thế này: hình ảnh của người lính sống, chiến đấu ở vùng này được ví như loài cỏ. Dù phải chịu vô vàn gian khó, khốc liệt, cỏ và người vẫn vượt qua để sống. Đây là hình ảnh ẩn dụ của người và cỏ. Cỏ dù bị giẫm đạp, giày xéo, vẫn không chết. Dù bị thiêu đốt, vẫn ấp ủ mầm sống trong lòng đất chờ thời sống dậy. Trước phong ba, bão táp, cỏ uốn mình mềm mại ngã theo chiều gió. Gió lặng, cỏ lại sống bình thường, không hề bật gốc. Không như cây “Khộp” cây mình to khỏe mà uốn mình ra chống chọi với phong ba. Kết quả bị gió mạnh quật đổ chổng kên, bật gốc, tróc rễ mà chết khô.

Người lính cũng vậy. Rất ngoan cường, khôn khéo để sống. Khi bị thương, bị bệnh sốt rét nặng, họ gắng sức vượt qua đau đớn và bệnh tật để còn sống. Khi bị đói nhiều ngày, thậm chí bị lạc đơn vị 23 ngày, người lính vẫn cứ đi, đi mãi tìm bằng được về đơn để còn sống. Khi bị khát nước cả ngày, cổ họng cháy

bỏ, kiệt sức, người lính vẫn cố lết. Lết đi để tìm nước. Khát vọng sống luôn có trong bản năng mỗi người. Trong chiến đấu, người lính luôn mưu trí sáng tạo. Lợi dụng gốc cây, ụ mồi để tránh đạn. Ngủ hầm âm, làm rào, đào công sự để vừa chiến đấu vừa tránh đạn. Tăng gia sản xuất để bồi bổ sức khỏe mà chống chọi bệnh tật. Họ làm tất cả để còn MẠNG SỐNG. Trong người lính luôn có TÌNH YÊU CUỘC SỐNG.

Sau khi nghe những lời giải thích có vẻ sách vở, nhưng cũng hơi thực tiễn có lý của tôi. Con gái tôi nói:

- À ra thế. Cỏ biên thùy và người lính tình nguyện.

Ngày nhập ngũ

Buổi tối trước lúc lên đường nhập ngũ, gia đình tôi nhộn nhịp hẳn lên, tôi đóng bộ đẹp nhất, một chiếc quần loe màu xi măng, áo chèn chim cò, dép sãmpo da, dù sao tôi cũng là nhân vật chính trong lúc này. Ngày mai tôi đã trở thành người lớn thực thụ. Từ một thằng học sinh cấp 3 chỉ sau 1 ngày biến thành anh chiến sỹ làm sao không hãnh diện, tôi đang học lớp 9 hệ 10 năm, ở trong lớp chỉ có một mình tôi đạt tiêu chuẩn đi bộ đội. Sức học tôi cũng ở mức trung bình nên việc đi bộ đội có lẽ còn thấy hợp lý hơn.

Mấy thằng bạn thân hì hụi chở cặp thùng loa Sansui to bằng cái thùng gánh nước và đầu máy chạy băng cối Akai M10 tới, chúng đặt tại vị trí trang trọng nhất, rồi hí hoáy lắp ráp, chỉnh âm lượng văng nhà. Bàn ghế chuyển từ hàng xóm về, trải lên mấy tấm vải ga trắng lớp mượn trong bệnh viện Bạch Mai, nhìn thật sang trọng. Thuốc lá, nước trà, bánh kẹo hạt bí bày la liệt trên bàn.

Đến sớm nhất là các cô chú cán bộ trong ban đại diện tiểu khu (nay là ủy ban nhân dân phường) họ tặng tôi một cuốn sổ tay và một cây bút Trường Sơn, thêm vài lời dặn dò chia tay. Tôi và gia đình cũng tỏ lòng biết ơn sự quan tâm của chính quyền và xin hứa sẽ trở về khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Có một anh trong công tác đoàn còn nói vui với tôi:

- Nhớ khi hoàn thành nghĩa vụ phải mang về cho cha mẹ tấm huân chương chiến công hạng nhất em nhé! Làm trai xứng đáng nên trai em nhỉ!

Tất cả đều cười sảng khoái rồi lục tục đứng dậy bắt tay ra về.

Các cô bác trong xóm cũng đến rất đông đủ, họ động viên an ủi tôi, ai cũng quý mến tôi vì tôi là đứa trẻ ngoan và lễ phép nhất xóm.

Khi đã vãn khách... cũng là lúc bạn bè của tôi kéo đến tấp nập. Tôi có rất nhiều bạn, bạn trong xóm, bạn cùng lớp, bạn cùng trường, bạn do quan hệ dặt dây. Tất cả đều vui vẻ nhiệt tình.

Một đêm tụ tập thật vui. Chúng nhún nhảy trong các điệu nhạc từ cỗ máy Akai phát ra. Chẳng biết có đúng điệu không, nhưng cứ nhảy cho thỏa thuê. Ngày mai lên đường rồi. Chia tay nhé! Chẳng biết khi nào có được cuộc vui như thế này.

Trong lúc tôi và bạn bè vui vẻ nhảy nhót, có biết đâu mẹ tôi ngồi ở nhà trong đàng sùt sùi khóc. Bố tôi ngồi chuyện trò nhỏ to với bác Đỗ Đình Chất lúc đó là trưởng khu công an Hai Bà Trưng là anh họ rất thân thiết với bố tôi, hai ông lo lắng cho chuyến đi của tôi, chiến trường Tây Nam ngày càng căng thẳng, nghe nói vùng Tây Ninh, An Giang, Châu Đốc bộ đội ta hi sinh rất nhiều.

Tiếc chia tay đã tàn, Mẹ tôi vừa dọn dẹp vừa hỏi tôi:

- Thôi! Đợt này hãy ở nhà, mẹ đã bảo bác Chất chuyển con về học công an rồi. Thành Chính, thành Hiếu không phải họ hàng mẹ còn xin được vào công an kia mà. Miễn con đồng ý.

Tôi vùng vằng không chịu:

- Mẹ biết rồi đấy, cuộc liên hoan chia tay lần này là lần thứ 2, nếu con không đi thì rất xấu hổ. Thôi xong nghĩa vụ con xin vào ngành cũng chưa muộn.

Chỉ cần tôi gạt đầu thôi, thì cuộc đời tôi đã chuyển sang một câu chuyện khác. Ông bác tôi quyền lực tuy chưa thể bằng ông Nhanh, Ông Chung bây giờ nhưng để cứu thằng cháu lúc này cũng chẳng có gì khó khăn. Riêng bản thân tôi thích bay nhảy, chưa muốn bị ràng buộc mãi trong cái thành phố nhỏ bé này. Tôi sửa soạn đồ dùng quần áo cho vào chiếc ba lô cũ của bố tôi. Cái ba lô mà bố tôi đã từng xông pha trong tuyến lửa và trở về với vợ và các con an toàn, nguyên vẹn.

Ngày mai tôi lên đường, ngày mai 21/8/1978 tôi trở thành người lính.

Từ sáng sớm, bạn bè đã tập trung tại nhà tôi đông đủ, bố tôi đưa cho tôi 4 tờ 10 đồng đỏ chót chúng tôi hay gọi là cụ mướt, mẹ tôi đã may sẵn cho một cái túi bí mật trong quần lót bắt tôi cất tiền cho thật kỹ. Rồi mẹ tôi gọi tất cả bạn bè vào nhà, chiêu

đãi món bún riêu cua, một món quà sáng phổ thông của gia đình.

7 giờ 30 xuất phát, tôi chào bố mẹ và dặn dò các em phải ngoan ngoãn, biết nghe lời bố mẹ... hai em gái tôi đứa 10 tuổi, đứa 4 tuổi vẫn còn nhỏ cũng muốn đòi đi tiễn anh, vì đường xa nên mẹ tôi không cho đi, chỉ có em trai tôi lúc đó đã 16 tuổi đi cùng đám bạn bè của tôi. Khi đi ra ngoài cổng mẹ tôi còn chạy theo căn dặn:

- Đã nghĩ kỹ chưa? Lúc này vẫn chưa muộn đâu.

Nhìn đám bạn tiễn đưa đông đủ mà mình lại tìm cách ở lại thì thật chẳng ra sao. Tôi cương quyết từ chối lời đề nghị của mẹ.

Chúng tôi tập trung tại đình Thịnh Liệt một làng phía nam Hà Nội, hầu hết các thanh niên nhập ngũ tề tựu đông đủ. Đình làng rợp trời cờ đỏ và băng rôn, chúng tôi ngồi quanh thành giếng chờ đọc tên. Tôi nhận ra rất nhiều bạn học cùng trường Trương Định - Lý Tự Trọng, tôi chỉ biết tên một số nhân vật nổi bật như Nhật Minh, Công Bầu, Minh Táo, Tuấn Cận, Hạnh con. Dũng loe, Vinh Gạo... vậy là có những người bạn quen biết đi cùng. Tôi cũng bớt đi phần nào cảm giác cô độc.

Ban tuyển quân đọc trích ngang theo danh sách từng tiểu khu, đông nhất là tiểu khu Tân Mai và Ngô Thì Nhậm:

- Nguyễn Văn Hợp. Đồng Nhân

- Có!

- Phùng Minh Tân, Đồng Nhân.

- Có Cái thân tôi!

Tất cả chúng tôi cười ồ khi nhìn thấy một thanh niên đen nhẻm đội chiếc mũ lá cọ.

- Trần Đình Thắng, đồng Nhân.

- Có tôi!

Trời ơi! Ông này già quá mà vẫn tòng quân, anh ta bé nhỏ gày gò nhất đám, anh đội chiếc mũ bắc bọc vải caki rộng vành, nhìn anh hom hem vậy sao trụ nổi trong quân ngũ.

Trong tiểu khu Đồng Tâm chỉ có 2 người là tôi và Hà Giảng Văn Giảng

khi đọc xong trích ngang, mọi người đứng vào hàng ngay ngắn thì trên loa đọc tên tôi:

- Ai là Nguyễn Văn Tuấn tiểu khu Đồng Tâm

- Có tôi

- Mời anh vào lán quân y để khám lại sức khỏe.

lán quân y là một cái lều bạt dã chiến, nằm khuất phía trong vườn, tương đối xa nơi tập chung, chỉ có 1 cái bàn và 1 chiếc băng ca. Chị bác sỹ mặc quân phục, khoác áo blu đo huyết áp và nhịp tim cho tôi rất kỹ. Chị hỏi:

- Em có bệnh truyền nhiễm gì không?

- Không có.

- Sao da vàng thế, có vẻ không đủ cân.

- Không, em 49 cân, em đủ tiêu chuẩn mà.

- Chị hỏi thật nhé! Em có bị bệnh ngoài da như ghẻ lở hắc lào không?

tôi xấu hổ nói như gắt:

- Em đã nói em không sao. Em đủ tiêu chuẩn khi đi khám nghĩa vụ rồi mà.

Chị cười và nói với tôi:

- Em khẳng định đủ tiêu chuẩn nhập ngũ nhé! Không ân hận chứ?

- Vâng, em đã sẵn sàng rồi. Đừng bắt em ở lại.

Tôi bước vào hàng quân, nhìn phía xa xa thấy chiếc xe comăngca của ông bác “quận trưởng” đỗ ngay phía đầu làng, lúc đó tôi mới hiểu Mẹ tôi và ông bác đã ngầm sắp đặt để tôi không phải nhập ngũ. Rất cảm ơn bác đã hết lòng giúp đỡ, cũng rất hiểu tấm lòng mẹ tôi vì thương con mà tìm mọi cách níu giữ tôi ở lại.

Chúng tôi đi bộ ra đường quốc lộ, lúc này đã thấy 4 chiếc xe khách đón chúng tôi. Tất cả reo hò vỗ tay tạm biệt. Có một số

người thân lấy khăn mùi xoa ngăn giòng nước mắt nhưng chúng tôi vẫn vô tư, không chút bi lụy vẫn reo hò ca hát.

Đến quá thị trấn Chi Nê thì xe đỗ lại, mấy anh bộ đội dẫn chúng tôi hành quân bộ, là thanh niên thành phố không quen đi bộ nên nhiều thằng kêu oai oái. Thằng Hà Giăng cùng tiểu khu với tôi đánh đàn mồm liên khúc, hết bài này đến bài khác... hình như việc đi bộ đội đối với nó là một niềm vui, thằng An Bột thỉnh thoảng lại hỏi:

- Đã đến chưa? Sao đi xa thế các anh?

- Còn lâu, làm lính đi như vậy bõ bèn gì.

Thỉnh thoảng phía nhà dân lại có tiếng chó sủa, cả bọn đồng thanh sủa lại khiến cho con chó giật mình im bật. Phía sau lưng tôi rào rào tiếng bẻ mía... mỗi thằng một khẩu vừa đi vừa nhai rau ráu. Anh chỉ huy tức lắm quát to:

- Các đồng chí là bộ đội hay là Giặc vậy? Sao lại bẻ mía của dân? Hãy chấm dứt ngay...

Mặc cho anh nói, anh quát chúng vẫn tỉnh bơ róc mía bằng mồm nhoay nhoáy. Có thằng từ phía sau còn nói vọng lên:

- Mía ngọt lắm thủ trưởng ơi, mời thủ trưởng nhá một đũa cho mát giọng.

- Thủ trưởng nhìn em thủ trưởng cười, em nhìn thủ trưởng róc mía chơi...

Anh chỉ huy tức lắm không nói gì, lầm lũi dẫn quân đi.

Đến lúc nhá nhem tối mới đến sân kho hợp tác, bàn ghế đã sắp xếp ngay ngắn. Chúng tôi ăn một bữa cơm lính đầu tiên tại thôn Phú Tường, Chợ Đập huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Nhìn xung quanh núi đá bưng kín, biết đường nào về nhà.

Tôi và anh Dũng Dọ, Hảo Ba Vành, Hùng Con, Thư Phở, Thi Móm được dẫn đến nhà anh chị Thực, nơi đó đã có một dãy phản đủ cho chúng tôi nghỉ ngơi.

Đoàn Tuấn và Dương Công Hạm sinh hoạt trên nhà anh Lãnh Tân Cu Lùng, An Bột, Minh ti tô ni sống nhà ông cả bốp

Hà Quang Minh, Hà Giảng, Dũng bà già, Dũng Đầu Bò ở nhà em Trư xinh nhất xóm.

Cuộc đời binh nghiệp của chúng tôi bắt đầu từ ngày hôm nay, ngày 21 tháng 8 năm 1978. Trong chiến đấu, lúc trở về nhà chúng tôi đều lấy ngày này làm ngày họp mặt, cũng như ngày giỗ cho các đồng đội nằm xuống, mãi mãi không quên ngày nhập ngũ 21-8-1978.

Quà hậu phương

Đại đội 4 huấn luyện lại một lần nữa xáo trộn quân số và thay đổi nơi ở. Tôi và vài lính khoác ba lô chuyển về nhà ông Tăng sinh hoạt. Căn nhà 5 gian khá rộng, một chiếc phản lớn chứa được gần chục thằng. Tôi, Minh, Tùng và Điệp nằm giữa. Thằng Quang Bắc Kinh ngực đầy lang ben bị đẩy ra ngoài cùng (từ ngày đầu tiên khi bị Tân Cu Lừng cho vài cước vào ngực ở bếp ăn đại đội vì tội ăn uống hỗn láo... nó tự nhiên bị lép vế hẳn đi, không còn dám lên mặt với ai).

Ông Tăng là dân buôn chuyến, ông có những ba bà vợ ở chung một nhà. Bà cả đã đứng tuổi, bà hai trẻ nhưng kém nhan sắc, bà vợ ba là chị Phiến người dân tộc Thái đẹp lắm. Chị có cặp mắt lá dăm, lông mày mảnh như vẽ. Thân hình thon thả, mái tóc dày đen nháy. Có điều chị lại thích hút thuốc Lào. Cái điếu ực to như bắp vế mà chị kéo sòng sọc, rồi từ từ phả khói ra như rồng như phượng. Chúng tôi luyện mãi mới hút được như chị. Có lần tôi hỏi chị:

- Chị trẻ đẹp như hoa khô, sao lại phải làm lẽ một ông già vừa gầy vừa xấu như vậy?

Chị vừa cười vừa trả lời:

- Hình như lão ấy có bùa, gặp chị lão ấy tán vài câu. Làm chị say như điếu đổ... vậy là cứ theo lão về nhà làm vợ.

Ông Tăng tuổi trạc tứ tuần, vui tính. Khi gặp chúng tôi là chuyện trò rồn rảng, hết chuyện buôn bán lại chuyện gái mú. Ông cứ bô bô kể chuyện chiến tích tình sử trước mặt cả ba bà vợ, chẳng cần giữ ý tứ.

Ông ở nhà khoảng vài ba hôm, rồi lại bật âm vô tín mất cả tuần. Công việc của ba bà vợ được phân chia rất rõ ràng. Bà cả và bà hai lên đồi làm rẫy. Riêng chị Phiến ở nhà chăm lo đàn lợn, quét dọn nhà cửa và cơm nước cho cả gia đình.

Một hôm, Điệp bị đau bụng phải nghỉ ở nhà. Chúng tôi ra thao trường, cả nhà vắng tanh không có ai. Chị Phiến sang bên hàng xóm chơi, một lúc sau chị rủ thêm 2 chị hàng xóm về nhà,

khoe chiếc áo mới ông Tăng vừa mua cho, các chị điễm nhiên thử áo, thay quần trong buồng, cánh cửa buồng vô tình mở hé... họ không biết hay cố tình phớt lờ thằng bé, khiến cho Điệp không dám thở mạnh. Cả ba chị như ba vị thần vệ nữ, đua nhau phơi bày tòa thiên nhiên... rồi cùng nhau cười khúc khích. Điệp nén hơi không dám thở mạnh khiến cho máu dồn lên mặt xuýt đỏ máu cam, cơn đau bụng cũng biến đi lúc nào không rõ. Khi buổi chiều chúng tôi từ thao trường trở về... điệp mới hoàn hồn thì thắm kể lại tường tận những gì đã thấy.

Quang Bắc kinh cười hi hí:

- Sướng nhé! Được xem Tivi màu... sướng nhé!

Rồi một đêm trăng sáng, Quang Bắc Kinh lay chúng tôi dậy, thì thắm:

- Dậy, dậy mau xem ti vi màu.

Đang ngái ngủ tôi buông một câu:

- Đm! Ở đâu mà sẵn thế!

- Thế luôn, nhanh lên kéo hết.

Quang rón rén vạch liếp chỉ về hướng chum nước cạnh cây dừa non.

Dưới trăng sáng chị Phiến đang tắm, chị đẹp tựa tiên sa, từng lọn nước luồn quanh cơ thể như dát bạc, cặp bông đảo căng tròn được ánh trăng khuếch tán tỏa sáng. Với lứa tuổi 25 cơ thể phụ nữ của chị được hoàn thiện đến mức tối đa. Đẹp, đẹp thật, đẹp đến nỗi tắc thở.

Rồi cũng hết ba tháng huấn luyện, ngày chia tay cũng tới. Chúng tôi tổ chức liên hoan nhẹ... mời tất cả ba bà cùng góp vui, ông Tăng đi vắng nên không kịp về. Chị Phiến luộc một nồi sắn mì bê lên. Chúng tôi vừa ăn sắn vừa cùng nhau ca hát, chị Phiến cũng góp vui vài bài, trong đó có bài “Tình ca Tây Bắc” một bài hát phổ biến của các chị em thời bấy giờ. Chẳng mấy khi được bung tỏa, chị tự nhiên như hoa ban trắng rung rinh giữa đám lính trẻ. Thằng Điệp hát tặng chị bài “Chuyện tình người thiếu nữ tên Thi”, câu chuyện buồn nhưng tiết tấu vui tươi, chị Phiến thích lắm, chị ngỏ lời xin chép lại lời bài hát để

làm kỷ niệm. Đêm liên hoan gần tàn, nổi sẵn luộc cũng hết hẳn.

Sáng hôm sau chúng tôi chào gia đình, đảo mắt tìm quanh mà chẳng thấy chị đâu. Đám lính lững thững khoác ba lô ra đến đầu con mương thì gặp chị đã đứng chờ từ lúc nào. Hai tay chị bê hai trái bưởi to, đặt vào tay thằng Điệp, nghẹn ngào chị nói:

- Chị chẳng có gì làm quà, chỉ có ngân này, tuy ít nhưng là tấm lòng của chị, mong các em nhận lấy gọi là quà quê hương.

Thằng Tùng đứng cạnh nói tếu táo:

- Giống bưởi quý của ông Tăng trồng, mới ra quả lần đầu tiên mà chị hái xuống, không lo ông ấy mắng à?

- Không sao! Còn cây thì còn quả. Ông ấy không dám mắng chị đâu.

Trên đường hành quân, chúng tôi chuyền tay nhau mang hai trái bưởi, mang cả hình bóng và tấm lòng của chị vào chiến trường.

Quên sao được dáng hình người phụ nữ đẹp tựa tiên sa dưới ánh trăng, giống như một kỷ niệm, như một món quà dành riêng cho những người lính chưa hề biết gì một nửa mảnh ghép cuộc đời, bước chân vào trận không phải ân hận vì chẳng biết cái chi chi.

Những lá thư bay

Đoàn tàu qua các ga không dừng lại, có lẽ họ lo bọn tân binh lại quậy phá. Nghe tin đồn những chuyến tàu trước đã sảy ra lính tràn xuống ga cướp hàng quán và đánh lộn với các tân binh tỉnh khác.

Chúng tôi cũng chẳng quan tâm tàu chạy đến đâu, chỉ có cảm giác vui thích khi được leo lên tàu, được xuôi vào nam, được đến những vùng đất mới. Mà nói thật lòng... đến tháng thứ ba sống trong quân trường mới cảm thấy tẻ nhạt, suốt ngày lăn lê bò toài, tập quăng lựu đạn gỗ đến trai tay. Tập mãi cách ngắm đầu ruồi đội đít điểm đen mà cuối cùng cũng chỉ được bắn có 3 viên đạn thật bằng khẩu súng CKC cà tàng, đã thế lại còn họp hành sinh hoạt liên miên. Chẳng thấy vui chút nào. Chỉ mong nhanh chóng thoát khỏi nơi đây càng sớm càng tốt, đến đâu cũng được miễn đừng chôn chân ở đây lâu quá.

Tới địa phận Thanh Hóa thì trời cũng vừa sáng rõ. Nhìn ra ngoài cửa sổ thấy nông dân đã vác cuốc ra đồng, xa xa là những nếp nhà tranh lợp lá sau lũy tre. Mọi hình ảnh hiện lên rồi vùn vụt lùi qua mắt hút. Tôi chợt nghĩ đến gia đình, nghĩ đến bố mẹ và các em. Giờ này có lẽ bố tôi đang chuẩn bị đi làm, mẹ tôi đang trong bếp với chảo cơm rang thơm phức mỡ hành. Đang lan man suy nghĩ chợt Tùng huých vai tôi nói:

- Bọn mình đi đột xuất như thế này. Ông bà cô tao lên tiếp tế không gặp thì buồn lắm đây.

Thằng Hà đế thêm:

- Bố tao cũng nói tuần này lên thăm. Bây giờ làm sao?

Minh vỗ đùi:

- Chết tao rồi! Bọn bạn nó hứa chủ nhật đến chơi.

Tôi cũng nói:

- Tao còn mấy lá thư chưa gửi được đây này!

Dãy ghế dưới có một thằng nói vọng lên:

- Khó gì đâu, có thư thì cứ nhờ dân gửi hộ.

- Từ lúc chuyển bánh đến giờ có dừng ga nào đâu mà nhờ được dân?

- Có cách, ta cứ vớt xuống đường tàu. Dân thương bộ đội như con em của họ. Họ sẽ bỏ vào thùng thư cho mình.

Có vậy mà không nghĩ ra. Chúng tôi đồng loạt lấy bì thư trong ba lô ra. Viết vội sau phong bì vài câu:

“Nhờ các cô bác anh chị nếu nhận được lá thư này xin bỏ vào thùng thư”, cuối câu còn thêm chữ “bộ đội vào chiến trường gấp, xin cảm ơn”.

An ngạc nhiên:

- Sao bảo bọn mình vào để bảo vệ tổng kho Long Bình?

- Phải viết nâng tầm quan trọng lên thì nhân dân mới thương mình chứ, đúng không nào?

Ai chưa kịp viết thư cũng ghi vội vài câu trong phong bì báo cáo với gia đình đã chuyển quân. Rồi kẹp tem thư vào trong, không cần dán.

Đến đoạn đường xe lửa chạy song song với quốc lộ, nơi có nhiều dân cư qua lại. Tất cả chúng tôi thả thư xuống đường và cùng reo hò:

- Nhờ các cô bác chuyển giúp vào thùng thư nhé!

Những lá thư bay theo đoàn tàu, cuốn theo gió như những đàn bướm trắng. Hàng trăm cánh thư từ từ đáp xuống mặt đường, nhiều lá thư không may bay xuống ruộng lúa, mắc trên cành cây. Thoạt đầu những người dân dưới đường ngạc nhiên rồi dần hiểu ra, lác đác đã có người chủ động lượm thư. Đó là cảnh tượng gửi thư hoành tráng và kỳ lạ nhất trong đời, không bao giờ còn thấy lại lần thứ hai.

Kỷ niệm ga gà



Đoàn tàu lính dừng lại ga Quảng Nghĩa, trời ơi! Cơ man là gà, gà khỏa thân vàng ươm bóng nhẫy, nằm ngất ngưỡng trên đỉnh đầu những bà những chị bán hàng rong trong ga, sao gà luộc ở đây nhiều thế, béo thế, chỗ nào cũng thấy bán gà, nhìn thấy một em gái nhỏ nhắn tương đối xinh mắt đượm buồn có lẽ do em lo ế hàng, không hiểu do em xinh hay do gà ngon mà tôi cứ nhìn theo em, nước miếng ứa ra quanh chân răng. Thấy vậy em quay lại mời tiếp:

- Các anh bộ đội ơi! Mua cho em con gà, gà ngon lắm các anh ơi!

không đành lòng từ chối người đẹp! Tôi vui vẻ bỏ 2 đồng mua con gà trên mẹt tre của em. Tuần cận tám tác khen ngon:

- Chân gà ở đây to gần bằng gà Đông Tảo quê mình.

nhưng cũng chỉ nhấm nháp đúng một cái chân gà thôi.

An Bội làm cái đùi, nhai ngoéo cái đã hết veo, tôi còn bận trở tài tán em bán gà, nhưng thằng Hà Giảng Văn Giảng khéo mồm hơn, cái răng vấu xé gà đến là khéo, miệng nhai nhồm nhoàm nhưng vẫn cất lời đưa đẩy:

- Em ơi! Em xinh quá, em xinh như thế này theo anh lên tàu mà bán, anh sẽ bảo vệ em từ đây đến tận sân ga cuối cùng, thằng nào hỏi vé anh đánh bỏ mẹ nó!

Rồi hẳn lại xé cái ức, nơi nhiều thịt nhất tống vào cái miệng đầy răng, mắt vẫn đơng đưa:

- Em ơi! Em đẹp quá, em như tiên nữ cười hạc trên thiên đình ấy
- Em làm gì có hạc, anh làm em mắc cỡ quá trời!

Giăng Văn Giang chỉ luôn vào con gà đang bốc khói, của thằng em trai vừa đưa cho chị:

- Hạc đây chú đâu? Đúng em là tiên nữ rồi, cho anh yêu em chút nào! Chụt chụt!

Cả bọn cười phá lên, con tàu từ từ lăn bánh, ở toa cuối có một chi hốt hoảng đuổi theo tàu:

- Các chú trả tiền đây, trả gà đây!

Tất cả còn đang ngỡ ngác, hóa ra toa dưới ăn quyết con gà. Dương Công Hạm lầm bầm trong miệng:

- Mang tiếng bộ đội cụ hồ, chẳng ra cái thể thống gì!

Những người lính tân binh ngày đó được đổ xuống những vùng chiến ác liệt nhất của quân khu 5, kể còn người mất, cái ga nhiều gà nay cũng không còn tên đó nữa và cũng không còn cảnh bán gà nhộn nhịp như xưa, em gái bán gà chắc cũng đã lên chức bà vui thú với đàn cháu nhỏ, còn chị mất gà chị có giận chúng tôi không? Tuổi trẻ bồng bột, có lẽ người lính ăn quyết con gà đêm đó cũng rất ân hận vì không thể trả được món nợ này, cũng có thể đã hi sinh và trước khi nhắm mắt anh không thể quên được cảnh sân ga đêm đó có người đàn bà đang dậm chân tức giận, nguyên rủa đám lính chết tiệt đã cướp con gà luộc của chị.

Ngôn ngữ địa phương

Tôi được điều về tiểu đội trinh sát cùng Hải Thi Sách, Khách sách, Thi Móm và Căn Đại Áng. Tiểu đội trinh sát lúc này chưa có hầm thùng, chúng tôi tìm một khoảng đất bằng phẳng dưới tán le (một loại tre nứa nhỏ tạo thành khóm) lót lá trải tầng tạo thành một chỗ nằm rất thơ mộng. Nhìn sang hầm thông tin thấy hai anh lính tóc dài lem luốc khuôn mặt thất thần nằm thượt dưới nền đất trống, tôi thầm nghĩ hai anh này sống đúng chất của lính, rất phong trần và bụi bặm, sau này mới biết hai anh là lính thất trận của D4 mới được bổ xung về tiểu đoàn 8.

Đêm đầu tiên được ngồi cùng các đàn anh trong tiểu đoàn, nghe các anh kể chuyện chiến đấu thật là ác liệt. D4 của trung đoàn 29 bị địch huy động một lực lượng lớn đánh bất ngờ khiến không trụ nổi, hầu hết bị hi sinh. Trạm phẫu không còn ai bảo vệ, các thương bệnh binh không một tắc sắt trong tay đành mạnh ai nấy chạy. Còn lại các thương binh nặng và các chiến sỹ quân y lọt vào tay quân Khmer Đỏ không một ai sống sót. Đang câu chuyện hấp dẫn thì anh Lang thông tin nói với tôi:

- Dưới bếp có rất nhiều sắn. Em xuống lấy một ít lên để mọi người cùng ăn cho vui.

Tôi liền mò xuống bếp. Nhà bếp tiểu đoàn là một căn hầm âm rộng. 2 bếp Hoàng Cầm vẫn nhen ánh than hồng vừa đủ sáng để quan sát mọi vật xung quanh. Tìm khắp mọi nơi không thấy sắn đâu. Chỉ thấy rau muống, su su, bắp cải và củ đậu, tôi trở về nói với anh:

- Anh ơi! Trong bếp làm gì có sắn. Em đã tìm hết rồi.

- Vô lý chiều nay chở về rất nhiều sắn. Lúc đi lấy cơm vẫn còn nhìn thấy kia mà.

Học Toác nhanh nhẩu đứng dậy:

- Để đó tui xuống coi. Thật là vô lý

Một lát sau Học Toác bê lên một mũ cối, nói với mọi người:

- Sắn đây chứ đâu. Vẫn ở trong bếp nhé.

Tôi nhìn kỹ hóa ra là củ đậu. Tôi chống chế:

- Đây là củ đậu mà. Sao lại gọi là củ sắn.

Học nhìn tôi từ đầu đến chân rồi cười tông tọc:

- Củ đậu cái cậu đậu. Đồng hương mà nói với con gái quê mình thì tụi nó cười cho chết.

Anh lang cũng cười:

- Quên mất, ngoài Bắc gọi củ sắn là củ đậu.

Lại một hôm ở Choăm sere. Tiểu đội đang làm nhà. Khoa tiểu đôi phó người Đức Phổ Quảng Ngãi loay hoay tách tre đan lát tôi hỏi:

- Anh đan cái gì vậy?

- À, tui đan 2 cái “khâu dĩ”.

- Khâu dĩ hay khâu dĩ. Mà nó là cái gì vậy.?

- Xong rồi sẽ biết.

Khi đan xong đặt lên mới rõ là hai cái đầu hồi nhà còn gọi là vĩ hồi. Tôi bật cười nói với khoa:

- Anh nói cái khâu dĩ tôi cứ tưởng tượng ra cái gì của đàn bà cơ. Hóa ra cái vĩ hồi nhà.

Cả hai cùng cười, khoa nói:

- Mỗi vùng miền có những thứ đặt tên khác nhau. Ví như dân Tam Kỳ nói sắn không lột vỏ gọi là khoai sim nè. Rồi dân Thuận Hải gọi cái xà beng là cái “chà leng”. Mi biết con chai chiều qua bắt ở dưới suối về dân Quế sơn gọi là gì không? Hỏi thằng Liêm nó nói cho hay.

Tôi quay lại nhìn Liêm. Thì Lựu Tam Kỳ tiếp lời luôn:

- Con Lờ ngâm hay còn gọi là con ốc L... ôn... huyền đó đồng hương.

- Sao bậy thế!

Liêm mặt tỉnh bơ thú nhận:

- Quê tui kêu vậy đó, đâu có sai.

Mỗi vùng miền có những phương ngữ khác nhau, khi vào lính được quen nhau, hòa trộn với nhau, hiểu kỹ về nhau rồi tự cùng điều chỉnh để biến hóa thành từ ngữ chung của đơn vị.

Cho đến khi tôi ra quân cũng quen miệng với một số từ thường dùng trong đơn vị. Đó là những ngày đầu ra quân, khi ăn cơm cùng gia đình vẫn dùng từ bát cơm thành “chén cơm”, muôi canh gọi là “Muổng” và “Vá”.



(ký họa được vẽ năm 1983 tại samraong trong nhật ký Huỳnh Đức Thuận)

Tết đầu tiên của lính

Ai đã từng nhập ngũ, không thể không nhớ đến những cái tết xa nhà.

Tết lính nó thoáng qua mong manh trong khói bụi thuốc súng. Tôi nhớ cái tết đầu tiên ở thị trấn Rô Viêng. Đêm 30 tết sống chung với trung đội vận tải của D8. Một trung đội chủ yếu là lính Tam Kỳ nhập ngũ tháng 10 - 1978. Chúng tôi ở trên một căn nhà sàn tương đối đẹp của chủ xưởng cơ khí người Hoa đã bỏ chạy. Chiều 30 tết toàn lính mới, tiếng Miên chưa ai biết nhưng lính không thiếu cách để đổi chác. Một lúc sau thằng Kháng và Phạm Cả cũng mang về hai con gà trống. Hỏi đổi bằng cách nào mà giỏi vậy? Thằng Cả kể lại:

- Tui vô phum thấy một nhà có nhiều gà, ra hiệu bằng cử chỉ, họ chẳng hiểu chi trội, thằng Kháng nhanh trí nói, cần có Vitamin quang quác về cho bộ đội ăn. Để khỏi ốm. Chỉ có 2 từ “vitamin quang quác” và “bộ đội ốm”, vậy mà dân vẫn hiểu... họ cho luôn hai con, không cần đổi chác gì. Tui tui nhét vội hai con gà vào trong áo chạy vội về đây.

Tôi phát hiện sau nhà sàn có bụi dong riêng lớn, rủ thêm Tâm Lùn và thằng Song vác quốc đào được một bao tải củ dong rửa sạch đặt lên nồi luộc.

Sẵn có tệp bì giấy đóng bao bì để chát đóng trong góc nhà, chúng tôi căng lên cầm than viết thêm chữ (CHÚC MỪNG XUÂN MỚI 1979) đặt ngay khoang chính giữa của nhà sàn.

Đêm đó được giao lưu văn nghệ giữa hai miền Nam Bắc. Những bài hát của Miền nam sao hay thế, rất đúng tâm trạng của lính.

Thằng Kháng nhanh nhẹn nhất lên hát bài CÁM ƠN, một bài hát của lính cảm ơn tình cảm của hậu phương đến với những chiến binh nơi trận tuyến, giọng hát tuy không hay nhưng truyền cảm (... nào là cánh thư nghiêng, nghiêng nét chữ cô em học trò. Nào là bánh trưng của mẹ già gói gửi cho con. Nào là áo len em ngồi em đan) tưởng tượng thôi nhưng ấm lòng cho những người chúng tôi đang làm nhiệm vụ nơi xa tổ quốc (...)

xin cảm ơn người, cảm ơn ai đã mang luyến thương nồng ấm đến với lính) nghe giọng hát, nhìn vào mắt anh lính trẻ dăng dăng ngấn lệ. Khiến cho chúng tôi như bị một vật gì chặn ngang cổ, muốn òa lên khóc...

Quân Lé hát tặng tôi bài NỖI LÒNG NGƯỜI ĐI XA. Bài này quả thật tôi chưa hề nghe, nhưng sao tôi nhớ Hà Nội thế, đúng là tôi xa Hà Nội nhưng không phải ở nơi phần hoa đô thị Sài Gòn mà ở một nơi xa lắm, nhớ lắm Hà Nội ơi.

Tôi không thuộc nhiều bài hát chỉ nhớ đúng một bài GỬI NGƯỜI EM GÁI. Bài hát của Đoàn Chuẩn được một bà cô Pháp lai dạy tôi hồi còn nhỏ. Thằng Cả ngạc nhiên hỏi:

- Sao đồng hương biết bài này, bài này vẫn hát trên sóng (gương thiêng ái quốc) của Việt Nam Cộng Hòa kia mà. Bài này hay thật.

Rồi bao nhiêu bài hát được đưa ra. Từ nhạc vàng rồi sang nhạc đỏ, từ nhạc lính sang nhạc xanh. Vừa liên hoan ca nhạc vừa thưởng thức món dong giềng luộc thật thú vị.

Phía xa xa vang lên tiếng súng bắn tặc cú. Chúng tôi hiểu giây phút giao thừa đã đến, nồi cháo gà được bắc lên có cả hành hoa, ngò tây. Một bát cháo gà đón giao thừa đầu tiên của đời lính chúng tôi. Một giao thừa giao hòa hai miền Nam Bắc, tạo cho chúng tôi hiểu biết nhau nhiều hơn. Thân tình nhau hơn và khoảng cách vùng miền được xóa bỏ. Một sự đồng cảm của những thanh niên đang chiến đấu xa quê hương, xa tổ quốc.

Mẹ ơi! Hoa cúc hoa mai nở vàng

Ngồi rảnh rỗi làm cây mai giả, lại chạnh nhớ đến cái tết năm 1982, cái tết bình yên nhất khi đơn vị đóng quân tại phun giềng. Cây mai mọc rất nhiều bên suối cạn, hình như mai khơ me không nở đúng dịp tết Việt Nam mà phải vào tháng 3 tết khơ me. Tôi và Huỳnh Đức Thuận trợ lý quân lực cầm dao ra bìa suối lựa một cành mai dáng đẹp nhất mang về tĩa tốt rồi lấy giấy trắng Giã nghệ phết lên, được cái tay Thuận rất khéo tay nhiều ý tưởng nên hoa cứ như thật. Căng cái võng gabađin lên làm phong dán chữ CHÚC MỪNG NĂM MỚI. Bàn tre được trải chần hoa dệt đôi phượng trầu, loại này không biết đợt quân trang nào được phát, nhìn cũng không đến nỗi. Đơn vị phát động làm báo tường, Đoàn Tuấn duyệt bài, tôi và Thuận nhận nhiệm vụ trang trí và vẽ tranh minh họa. Thuận dùng bàn trải đánh răng và lược để phun mực tạo khung. Tôi vẽ anh lính bông súng đứng bên cột mốc mắt nhìn xa xăm, mưa gió mịt mờ. Còn thêm một góc chuyện cười. Tết lính chỉ có vậy mà vui.

Cánh hoa bay

Trên đường hành quân hay ngồi một mình trong vọng gác. Nhìn những cánh hoa bay, lòng không khỏi nôn nao nhớ quê nhà. Cánh hoa tựa như chong chóng, lìa khỏi cội xoay những vòng xoay tuyệt đẹp, cắm xuống đất khô nẻ chờ những cơn mưa, gặp cơ hội để lại một lần tái sinh.

Trên vùng đất Anlong Veng rất nhiều loại hoa này, rụng đầy rừng, rụng đầy trên đường cái. Dưới những lớp hoa khô là những ngòi mìn K58, một loại mìn có tiếng nổ như tức hơi, phá nát bàn chân, lột phần thịt quắn ngược lên như sản ống quần, tất cả mao mạch bị phá nát... rồi cái chết đến rất gần... vô phương cứu chữa. Đời lính đâu được tái sinh như cánh hoa kia.

Đôi chân của lính

“Vùng đông đã bừng sáng. Núi non ngàn trùng xa, tổ quốc bao la hiền hòa”. Rập rập, rập rập... Từng đoàn quân gõ gót giày trên mặt đường đất đỏ bụi tung mù trời, bước đi hiên ngang, khuôn mặt kiêu hãnh đầy tự tin. Đó là hình ảnh tôi đã tận mắt nhìn thấy trong những ngày đầu mở chiến dịch. Nó đẹp đẽ và uy nghiêm tỏ rõ sự vững mạnh “không kẻ thù nào ngăn nổi bước ta đi” của quân đội nhân dân Việt Nam bách chiến bách thắng.

Đơn vị chúng tôi là đơn vị bộ binh nên hầu hết được đi hành quân bằng đường bộ, vận hành bằng đôi chân sử dụng năng lượng cơm vắt và muối hầm. Không ồn ào ca hát, chúng tôi âm thầm tiến bước với ba lô nặng trĩu vũ khí lương thực và đạn dược. Ngày đi, đêm nghỉ. Thậm chí có đêm không được nghỉ. Cành mục lân tinh cài ba lô cho người sau biết hướng mà theo. Mùa khô hay mùa mưa đều là nỗi khổ cho đôi chân của lính.

Những ngày đầu chiến dịch, các sỹ quan tuân thủ 1 tiếng nghỉ 10 phút. Một tiếng là một quãng đường 6 km, hai cẳng chân rã rời, đi mãi mà chẳng thấy hiệu lệnh dừng, mồ hôi đầm đìa thấm hết ba lô, mắt hoa lên vì cái nắng xứ Ấng Co.

Một số lính mới như chúng tôi đã lão đảo như say rượu. Được nghỉ là thả huých mông xuống vệ cỏ bên đường, móc bi đông tu ừng ực, chưa kịp hoàn hồn đã hết 10 phút giải lao. Một ngày hành quân gan bàn chân đã phồng lên mọng nước. Cái túi dịch mọng nước bọc bằng lớp da bàn chân mỏng, mềm mềm buồn buồn. Tôi định lấy kim băng chọc ra, nhưng mấy tay lính cũ ngăn lại.

- Chớ có chọc ra, ngày mai bước đi không nổi đâu.

Rồi ngày mai lại tiếp tục hành quân, túi dịch to dần lên bao bọc hết đầu bàn chân lan tới kẽ ngón chân. Ngày thứ ba, túi dịch tự động vỡ ra lúc nào không hay, nước nhờn thấm ướt trong giày nhầy nhụa, nghỉ đêm tháo giày nồng nặc mùi khăn khắn mắm tôm. Hôm sau lại luôn tất, sỏ giày tiếp tục hành quân... bàn chân như sát muối, vẫn cắn răng bước đi cùng

đồng đội. Rồi vài hôm sau lên da non thành trai chân, vững vàng bước đi trên khắp ngã đường chiến dịch. Với người lính bộ binh phải vài lần phỏng chân như thế này mới trở thành chiến binh chân cứng đá mòn.

Mùa khô qua đi lại mùa mưa ướt át, đôi giày chiến binh tả tơi vì thấm nước vì cỏ cào trở nên rách nát không còn khả năng bao bọc đôi chân của lính. Máu ứa ra trên những vết cắt chằng chịt của cỏ lác, cỏ ba cạnh sắc như lưỡi lam. Mùa mưa lội nước quá nhiều, hầu hết ai cũng bị nước ăn chân. Nói đến nước ăn chân thì ai cũng từng bị một vài lần, nhưng nước ăn chân của lính mùa mưa nó khác rất nhiều. Đôi chân bị mài mòn trong đôi giày vải sũng ướt. Mỗi bước đi là một lần gọt dũa, khiến cho bàn chân mất đi lớp biểu bì. Nghiễm chân tháo giày ngứa muốn gãi mà không được vì lớp da đã bị trợt ra nham nhở, đỏ lôm nhăn nhúm khắp trên mu chân. Chỉ dám xoa nhẹ nhẹ cho đến khi chìm vào trong giấc ngủ.

Cũng do tôi luyện cho đôi chân mà chúng tôi không ngại vượt suối sâu hay vách đá dựng đứng. Đi những quãng đường dài mà không biết mỏi. Nhưng thương thay những đôi chân của lính. Chỉ cần vô tình dẫm phải một nút lò xo ống bơ K58, hoặc núm vú 65- 2A trên đường hay vướng phải dây kim loại KP2 trong cánh rừng sâu là đôi chân tan biến. Khi tôi còn ở đơn vị, hầu như không có ai mất chân được gọi là thương binh vì khi bị dính mìn mất đôi chân cũng là cắt đứt sự sống. Đường đến trạm phẫu quá xa, đôi chân khiêng cáng làm sao nhanh bằng xe cơ giới. Thôi đành bỏ lại cuộc đời... dừng bước tại đây. Mặc kệ cho đồng đội thả sức khiêng cáng va đập không cần kêu ca đau đớn.

Bao năm trở về bước trên hai chân của mình, thâm cảm ơn cuộc đời cho tôi may mắn. Lại thương nhiều đôi chân đồng đội nằm lăn lóc giữa rừng hoang.

D8 E29 F307

Chiếc rương màu đỏ

Mất bốn ngày hành quân từ Choăm Sre qua sườn núi SanDak luồn dọc cánh rừng xanh Kulen rộng lớn đói cơm khát nước đội hình D8 chúng tôi mới lên đến địa phận của Anlong Veng. Gần ra đường lớn thì gặp ngay một con suối có nước, cũng đã về chiều nên Bộ Lực quyết định triển khai đội hình đóng quân hai bên bờ suối, sáng mai sẽ dậy sớm để tiến vào Anlong Veng. Kể từ khi mở chiến dịch đến giờ đơn vị chúng tôi đánh đến đâu địch đầu hàng hoặc tháo chạy đến đó, chỉ có một số tàn quân nhỏ tập kích yếu ớt rồi bỏ chạy vào rừng, nên chúng tôi rất lạc quan rất vững tin vào sức chiến đấu của đơn vị mình. Mặc dù cấp trên đã Thông báo Tàn quân dồn về Anlong Veng rất đông mà tinh thần binh lính không hề nao núng. Thực ra vùng Anlong Veng không phải vùng chúng tôi tác chiến mà là thuộc địa phận sư đoàn 302 của quân khu 7 quản lý, nhưng quân khu 7 chưa đến kịp nên quân khu 5 lệnh cho trung đoàn 29 chúng tôi hành quân cấp tốc lên Anlong Veng đập tan đám tàn quân cuối cùng này.

Sáng sớm hôm sau, khi cảnh vật vẫn còn lờ mờ chúng tôi đã xốc ba lô, kiểm tra súng đạn, đóng đầy bi đông nước... lặng lẽ hành quân về hướng nông trường 31. Đến đường cái lớn chúng tôi dừng lại nghỉ giải lao, kiểm tra dưới mặt đường thấy in hằn dấu bánh xe ô tô tải và cả dấu bánh xe Jeep vẫn còn mới nguyên. Đơn vị được lệnh dừng lại để Thông tin 2 w nối máy bắt liên lạc hiệp đồng với cánh quân thứ 2 của trung đoàn là tiểu đoàn 9 đang từ phía dãy Danrek cùng tiến vào.

Chúng tôi thận trọng bám theo đường cái lớn tiến vào phum, xa xa đã nhìn thấy vườn mía rộng bạt ngàn được ngăn cách bởi hàng rào buộc ngang sơ sài. Khi đến cửa phum, đột nhiên khoa dừng lại, tôi cũng lăm lăm súng tiến tới nhìn vào trong phum. Xa xa khoảng 200 mét thấy những căn nhà lá dài dạng nhà ăn hội trường kiểu công xã, lối nhỏ toàn bóng áo đen, chúng đông như kiến cỏ. Thủ trưởng Võ Sỹ Lực bắc ống nhòm kiểm tra rồi cho triển khai C5 cánh trái, C6 đánh thẳng vào phum. Lúc này

Chưa bắt liên lạc được với D9 nên vẫn còn phải chờ đợi. Đột nhiên phía địch nhốn nháo chạy tán loạn. Bộ Lực hạ lệnh thả cối và bắn DK82 vào đám đông, tôi cùng C6 tấn công vào phum. C5 lách qua vườn mía đánh bọc cánh trái. Địch chạy hết về cánh rừng phía Tây của phum. Để lại vài xác chết do đạn cối rơi hú họa.

Khi đã làm chủ trận địa, tôi liền thận trọng leo lên một căn nhà sàn đầu tiên nằm đối diện với dãy nhà ăn công xã. Có lẽ là nhà của Ăng Ka vì nó vẫn mới và đẽ gọt kỹ càng hơn mọi nhà khác trong phum. Đập vào mắt tôi là một chiếc rương bọc vải gấm màu đỏ hoa văn kim tuyến, khóa rương và viền góc được mạ vàng, tôi đoán trong rương nhất định có của quý vàng bạc kim cương, đá quý... Không dám mở nên tôi gọi thêm một lính bộ binh gần đó lên cho vững tâm.

Leo lên tới nơi, nhìn thấy cái rương, mắt anh ta như muốn rơi khỏi tròng:

- Trúng mảnh, trúng mảnh rồi!

Tôi gắt nhỏ:

- Khẽ thôi, thêm vài thằng nữa lên đây là mất sạch.

Tôi quỳ xuống định mở nắp chiếc rương, nhưng bị anh ta ngăn lại:

- Coi chừng nó cài lựu đạn. Bọn Pốt thủ đoạn lắm... không thể coi thường đâu.

Rồi anh ta bê chiếc rương lên tay, miệng dặn dò:

- Khi bật nắp rương, mi nhanh tay bốc vào ba lô, lát nữa cùng chia nhau.

Cả hai chạy ra cửa nép vào vách nhà sàn, quăng mạnh chiếc rương vào góc nhà... nhắm mắt bịt tai chờ tiếng nổ, nhưng chỉ nghe một tiếng bịch kèm theo bụi tro bay lả tả trắng nhà. Cả hai cùng chạy vào kiểm tra, thấy trong rương lổn nhổn mấy cục xương cốt ngập trong tro. Tôi cười phá lên:

- Nhanh lên tháo ba lô ra, để tôi bốc vào!

Anh thất vọng:

- Má nó, tưởng của quý gì? Hóa ra là ông bà ông vải nhà chúng nó.

Anlong Veng khói lửa

C6 chưa tảo trừ hết tàn quân trong phum, ông Việt chính trị viên phó tiểu đoàn đã hô hào nhân dân tập trung giữa phum để phổ biến chính sách đoàn kết dân tộc và thành lập chính quyền trong phum. Ông Việt tương đối đẹp trai, trắng trẻo cao ráo nhìn thoáng qua là biết ngay đây là “ăng ka thum” vì vai ông khoác sắc cốt da, bên sườn đeo một khẩu súng ngắn. Ông giỏi tiếng Lào nên rất thuận tiện cho việc xã giao với những người dân tộc vùng Đông Bắc này.

Thấy mọi chuyện đã bình an, tôi và Đoàn Tuấn lính Thông tin cùng đi phối thuộc với C6, cả hai là đồng hương cùng ngày nhập ngũ đi tìm rau quả quanh phum để nấu bữa trưa.

Anlong Veng cũng giống như bao phum bản tôi từng đi qua. Không giàu có như Rô Viêng, không trù phú như Kulen, trong phum trồng rất nhiều soài và mía, dân cư thưa thớt khoảng hơn 4 chục nóc nhà. Nói là nông trường số 31 nhưng tôi chưa thấy chỗ nào canh tác lớn như những nông trường phía đông sông Mekông. Có đặc điểm đáng chú ý, một số nhà dân đào hầm kê gỗ trống đạn pháo như những căn hầm ở Miền Bắc trong những thời kỳ chống Mỹ.

Hai chúng tôi ra tận hàng rào rìa phía Bắc phum để hái rau, chủ yếu là rau dền gai và dứa non, bỗng phía nam nơi ngoài cánh đồng của C5 rộ lên tiếng súng, tiếng súng dai dẳng hơn mọi khi. Chúng tôi thu gom rau quả chuẩn bị rút về bỗng nhiên bên kia hàng rào thấy hàng chục bóng áo đen đang Lom khom đi ngang qua, Đoàn Tuấn bắn một loạt AK vào đội hình địch. Chúng liền chuyển hướng về phía chúng tôi. Tôi tiếp tục nổ súng và lăn vào bụi chuối nơi Đoàn Tuấn đang nằm. Hai quả B40 đập về phía chúng tôi. Nhìn sang bên sườn thấy anh Lý Hải Phòng sách súng chạy, hai tên áo đen đuổi theo anh Lý, tôi liền nâng súng bắn chặn lại, hai tên lăn sang bên bắn như mưa về phía chúng tôi. Chúng tạo thế gọng kìm từ phía trước và bên sườn hòng bắt sống hai thằng chúng tôi... các loại đạn đổ dồn về phía chúng tôi cùng tiếng Khmer hô vang khắp vùng. Bỗng

nhiên Ngô Thanh Chè xuất hiện phía sau cùm B40 thổi hai quả về phía trước mặt. Hai thằng địch bên sườn cũng lăn về hướng hàng rào an toàn chạy mất. Một vài phút sau lại rộ lên tiếng súng, thì ra lính D9 đã vào phum kịp thời hỗ trợ cho D8 chúng tôi.

Khi vừa ngớt tiếng súng, chúng tôi quay vào trong phum, thấy một căn nhà đang ngùn ngụt cháy, hai người phụ nữ đang đứng trên nhà sàn vừa quăng đồ vừa kêu khóc, chúng tôi chạy lại hỗ trợ chuyển đồ xuống đất... ngọn lửa quá to nên chỉ cứu được một ít đồ đạc. Mà cũng rất lạ vùng này có cả chăn mền con công của Trung Quốc.

(Còn nữa)

Đường về gian nan

Giữa tháng 7 năm 1983, không khí đơn vị trầm lắng hẳn, ít nghe thấy tiếng hát, tiếng cười đùa của lính. Chúng tôi vẫn còn dư chấn của chiến dịch đánh chiếm điểm cao 547. Một trận đánh không thành vào cứ điểm lớn của khơ me đỏ nằm mấp mé bên đất Thái Lan. Lúc này ở Campuchia là giữa mùa mưa, không khí ẩm đạm, mưa suốt ngày, con suối phum Giềng tràn phè nước, nước tràn qua sân bóng tiểu đoàn, nằm mấp mé đến tận bếp ăn của đơn vị. Không bù cho lúc đánh chiến dịch vài tháng trước, lính khát đi tìm nước không lấy một giọt, họ quay cuồng trong cơn khát, lăn lê trong tầm đạn DK mà tâm trí chỉ nghĩ đến nước. Giờ đây những ánh mắt thần thờ hoài tưởng đến trận chiến kinh khủng, họ không thoát nỗi sự ám ảnh kinh hoàng đến tột độ khi tham chiến trên điểm cao 547.

Tôi đội mưa sang hầm tác chiến tiểu đoàn, định bụng mượn cuốn văn nghệ quân đội về đọc để khỏa lấp cái không khí buồn bã trống trải này. Từ khi Đoàn Tuấn người đồng hương của tôi chuyển công tác lên ban chính trị trung đoàn, tôi cũng ít qua nhà tác chiến. Nhớ cái lúc mới lập doanh trại ở bên suối phum Giềng này, sao mà vui thế. Căn nhà tác chiến như một câu lạc bộ, cứ tối đến chúng tôi tụ tập bày trò rang đậu tương, uống nước hà thủ ô kể chuyện tiểu lâm. Tiếng nói tiếng cười râm ran khắp căn hầm. Chúng tôi chuyền nhau xem những trang báo quân đội, báo tiền phong được đóng đinh thành quyển không mất số nào. Hai ông bạn Huỳnh Đức Thuận và Đoàn Tuấn còn lưu giữ được hơn hai chục cuốn tiểu thuyết văn học. Trong đó có cả những cuốn của chế độ Việt Nam Cộng hòa. Tôi ngẫu nhiên hết cuốn này đến cuốn khác. Giờ đây chỉ còn Huỳnh Đức Thuận thống kê quân lực tiểu đoàn, Thuận đang lúi húi cắt xén những quyển vở học sinh, đóng thành những cuốn sổ mỏng. Tôi thấy lạ liền hỏi:

- Đồng hương làm gì vậy?
- Làm lý lịch quân nhân và lý lịch đoàn viên cho những người ra quân đợt này... À này, mình báo cho đồng hương một tin vui nhé! Đợt này đồng hương được ra quân đây! Sổ của đồng hương đây, mang về khai báo rồi đưa lại cho mình.

Quên hẳn chuyện mượn tạp chí “văn nghệ quân đội” tôi ép chặt hai cuốn lý lịch vào lồng ngực mà tim vẫn đập thình thịch, chân tay tôi nhũn ra không thể bước nổi về lán. Tôi ngồi phệt xuống một thân cây đổ bên đường. Nước mắt trào ra, hai hàm răng nghiến chặt để không bật lên tiếng nấc. Gần 5 năm trời không biết bao nhiêu trận chiến, không biết bao lần thoát chết. Mỗi lần khoác ba lô đi truy quét là xác định cái chết sắp đến với mình, mỗi lần trở về đến cửa doanh trại thì mới biết mình vẫn còn sống. Thần kinh chai lỳ đi và tiếp nhận cái chết như một điều tất yếu. Giờ đây biết đến tin mình được trở về sao mà khó tả, vui quá muốn nhảy cẫng lên, nhưng cũng trầm xuống vì nỗi lo một sự thay đổi vu vơ bất ngờ ập đến.

Không thiếu gì những trường hợp trước ngày ra quân mà phải lãnh đủ những mất mát cay đắng. Như Công Bàu người đồng hương tôi, lính D19 F307 trong khi chờ đợi ra quân, vì thiếu người chốt đường đón một vị tướng cao cấp của bộ quốc phòng đến thăm đơn vị. Tưởng rằng đi tuần gần sư đoàn là an toàn tuyệt đối, nào ngờ Công vương mình mất đi đôi chân trong lúc mình cầm chắc tờ giấy xuất ngũ. Ông Bối Ban 5 sư đoàn một người lính già từng chinh chiến khắp các mặt trận, trên đường ra quân rẽ vào thăm lại đơn vị cũ bị vương mình hi sinh một cách đau đớn. Điệp, Hạm trung đoàn 29... hai ông bạn đồng hương cùng ngày nhập ngũ, cả 5 năm chỉ quanh quẩn trong trong hàng rào trung đoàn bộ, không mấy khi chứng kiến những trận mưa bom bão đạn, an toàn tuyệt đối là vậy mà khi ra quân ngồi trên ô tô lại bị một quả mìn tăng oan nghiệt bên đồi đá, hai đồng đội hi sinh bỏ lại giấc mơ bên giảng đường đại học. Thật đau đớn, thật đáng tiếc khi chỉ còn một khoảng thời gian rất gần được về tới quê hương, về với gia đình thân yêu của mình. Tôi kìm nén nỗi vui mừng, nín thở chờ đợi ngày công bố ra quân.

Hai ngày sau tôi được điều động về thông tin hữu tuyến, các thủ trưởng chắc cũng hiểu tâm tư của tôi, không muốn tôi phải khó xử khi suốt ngày ở nhà để cho các đàn em trong tiểu đội đi truy quét tuần phục triển miên, mà tránh cho tiểu đội trưởng bối rối khi phân công công tác cho tay lính già như tôi khi đã gần hết đất chiến đấu. Về hữu tuyến lúc này cũng nhận hạ chỉ

trực tổng đài và lao động tăng gia, những ngày chờ đợi ra quân dài lê thê. Một ngày qua đi lại đón một ngày mới hi vọng, tôi chuẩn bị hành trang ra quân. Gồm 2 bi đông mật ong rừng cùng một túi gạo sấy đựng đầy hạt mã tiền, quà chiến trường chỉ có vậy. Toán Con thấy chiếc ba lô của tôi rách nát thủng lỗ chỗ liền tặng tôi một chiếc ba lô 2 cóc của miên xanh rờn. Hấn nói:

- Tao cướp được 2 ba lô của địch trong đợt truy quét gần 547 vừa qua, cho mày một cái nó bị thủng mấy vết đạn đã mạng lại, còn tốt gấp vạn cái ba lô của mày.

Ba lô Polpot không đẹp nhưng rộng chứa được nhiều, phía trong của ba lô tráng thêm một lớp cao su, màu xanh KaKi tô châu vẫn còn mới nguyên. Vậy là yên tâm... chỉ chờ ngày lên đường.

Vài ngày sau, tôi bắt đầu lên cơn sốt rét, tôi chùng chặn mặc thêm áo vẫn thấy rét. Miệng đắng ngắt, hơi thở nóng hầm hập, mắt hoa lên, nhìn cảnh vật như bị méo mó. Những cơn sốt rét này tôi vẫn thường xuyên mắc phải, sốt thì nghỉ ngơi uống thuốc vài bữa sẽ khỏi. Nhưng lúc này bị sốt thì thật là quái ác, thời gian ra quân mỗi lúc một gần... ai đợi chờ cá nhân một mình tôi

bỏ lỡ đợt này thì phải đợi sang năm sau mới có đợt khác ra quân. Tôi cố gắng gượng dậy uống vài viên qynin sunpat, khiến cho tai ù đặc. Không dám tiêm sợ áp se súng mông không lê bước nổi. Tôi cố tập đi trong doanh trại, quốc đất cho vã mồ hôi. Phải dứt sốt trước khi nhận quyết định ra quân.

Sau một tuần vật vã trong cơn sốt, tôi cũng dần dần khỏe lên, cũng là lúc tôi được thông báo chính thức sáng mai lên trung đoàn tập trung. Mừng vui khôn siết tôi sang tiểu đội trinh sát, chia tay cùng anh em đồng nghiệp đã từng kề vai sát cánh tác nghiệp trong khi truy quét, cùng sống chung trên một mái nhà khi phối thuộc, cùng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. San sẻ nhau từng miếng cơm manh áo. Tôi viết lưu bút cho Trần Phương thẳng em thân nhất trong A trinh sát những dòng chia tay thật nhất, dài nhất trên trang nhật ký của nó, hi vọng sẽ có ngày gặp lại.

Tôi sách súng sang C5 chia tay Toán Con, Sơn Lộ. Thành Sơn lộ cứ nài nỉ ở lại để nó thịt gà thết đãi chia tay. Tôi từ chối không muốn cảnh liên hoan là ngày cúng giỗ của mình.

Tiền chân tôi rẽ về C6 chia tay Nguyễn Thủy, gặp ngay Lê Lộc cũng sang chơi. Hai thằng lính nhập ngũ năm 1980 lính Quảng Nam, nhập ngũ sau tôi những 2 năm nhưng tuổi đời bằng nhau thậm chí còn hơn. Chúng tôi tuy kẻ Bắc, người Nam nhưng lại hiểu tính nhau và rất thân nhau. Thủy thích văn chương, Lộc ưa thực tế, ba thằng gặp nhau rồn rảng tiếng nói tiến cười. Khi tôi nói chia tay ngày mai lên đường về nước. Cặp mắt lồi của Lộc đỏ ngầu lên sóng sánh ngấn nước, Thủy không nói gì chỉ bặm môi, gật gật đầu. Mãi mới nói thành tiếng:

- Rứa hỉ, đi mạnh giỏi nghe. Sẽ có ngày gặp lại

Về tới tiểu đoàn bộ, liên lạc tiểu đoàn đến thông báo lại:

- Anh phải tập trung đi lên trung đoàn chiều nay ngay.

Tôi về chỗ ở, bàn giao vũ khí đạn dược cho tiểu đội hữu tuyến. Rồi tay không, khoác ba lô tập trung trước sân ban chỉ huy tiểu đoàn. Lúc này mới biết có thêm 4 lính ở các C khác ra quân cùng đợt. Anh Nguyễn Khắc hợi Chính trị viên tiểu đoàn đi cùng để bàn giao hồ sơ ra quân. Hộ tổng chúng tôi có thêm 4 bộ binh C7 súng ống đầy đủ dẫn chúng tôi tới tận phum Giềng mới quay về đơn vị. Đoạn đường từ phum Giềng về đến trung đoàn tương đối an toàn. Phía trong phum có đội công tác dân vận, sang bên kia suối có binh đoàn 4 Heng Somrin, gần phum Kondon có đoàn chuyên gia của trung đoàn, từ đây gặp lính trực thuộc đi tuần như mắc cửi.

Tới đầu phum Giềng thấy em Kạc thì thụp giã gạo, váy thái màu xanh ôm gọn cặp mông căng mọng, thẳng chồng... như cái bóng vắn lơ dềnh hút thuốc dưới chân cầu thang. Chúng tôi lên tiếng, vẫy tay chào, nhưng cả hai vợ chồng không đáp lời, mặt mũi cũng không chút biểu cảm.

Đến cuối phum đã thấy sừng sững chiếc cầu gỗ do công binh vừa bắc xong, cực kỳ vững chắc. Trước đây, vào mùa mưa, chúng tôi vượt suối này rất nguy hiểm, cũng đã có vài người bị nước cuốn đi. Mấy ngày sau mới tìm thấy xác. Giờ đây đứng trên

cầu, nhìn xuống dưới con suối âm âm cuộn sóng, nghĩ lại cảnh vượt suối mà thấy ớn lạnh.

Về tới phum kondon (Kong Yaeng) là sắp tới trung đoàn bộ, Cái phum bé nhỏ này chắc bị các lính trực thuộc oanh tạc cả ngày lẫn đêm, chẳng còn chút hi vọng kiếm chác gì cho đám lính bộ binh. Nên chúng tôi ít quan tâm... chỉ mong rảo bước cho nhanh tới trung đoàn, với chúng tôi thì trung đoàn ví như kinh đô hoa lệ, an toàn khu bất khả xâm phạm, yên giấc nồng không còn thẳng thốt lo địch tập kích, không phải dùm dỏ nhìn xuống đường lo sợ mìn đè, mìn vướng.

Đến rìa phum Kondon (kong yaeng), sắp tới trung đoàn bộ... chúng tôi ngửi thấy mùi thịt nướng. Thơm quá! Chà chà, dân ở đây đang tổ chức làm món gì, may ra mình có thể xin, đổi hoặc mua về thết các đồng hương trên E bộ. Càng đến gần mùi thơm càng mời gọi, lại thêm tiếng trống thì thùm... Lẽ hội gì vậy? Xa xa, giữa cánh đồng, chúng tôi nhìn thấy một giàn lửa to bốc cao, tàn bay lả tả, một đám đông đang vây quanh đồng lửa, trên không trung quạ và kền kền lượn vòng quanh, tiếng nổ phát ra từ giàn thiêu nghe lụp bụp.

Một anh đi cùng kêu lên:

- Họ hỏa táng, mùi thịt nướng khiếp quá.

Ngày cuối cùng trong khi chuẩn bị rời chiến trường vẫn phải chứng kiến cái chết, lại còn được tận hưởng thêm cái mùi thịt nướng của tử thi... kinh khủng đến tột cùng.

Vào trung đoàn bộ, tôi về ban quân nhu xin tá túc. Ông bạn tuần quản sắp xếp cho tôi một chiếc giường cá nhân.

Chờ ngày mai nhận quyết định ra quân.

Sáng sớm, sau khi ăn điểm tâm tại ban Quân nhu trung đoàn. Tôi xốc lại ba lô chào các anh trong ban quân nhu, Tuần Quản kiểm tra lại hành trang cho tôi, rồi trách:

- Bộ đội gì mà lôi thôi luộm thuộm thế này, sao không cho áo trong quần cho gọn gàng.
- Buộc quần bằng dây võng, làm gì có thắt lưng mà bông cốt.

Tôi vén bụng chỉ một đoạn dây võng cũ luôn qua đĩa quần buộc thắt nút kiểu dải dút thay cho thắt lưng. Khiến cho cả nhà bò lăn ra cười. Tuấn vào buồng lục lọi một lúc rồi đưa cho tôi một cái thắt lưng vẫn còn mới nguyên:

- Đây diện vào xem có giống trai Hà Nội không nào?

Tôi khoác ba lô lên ban quân lực tập trung để nhận hồ sơ và giấy tờ xuất ngũ, đã thấy khoảng vài chục lính ở các đơn vị khác. Tôi nhận ra ngay mấy thằng cùng nhập ngũ với tôi. Bây giờ không còn phân chia theo đơn vị để quản lý nữa mà phân chia người theo địa phương, tự bao bọc và bảo vệ lẫn nhau. Nhóm Hà Nội chúng tôi có 10 người, nhóm Quảng Nam- Đà Nẵng đông nhất, sau đó đến Nghĩa Bình. Thuận Hải, Phú Khánh.

Mỗi nhóm được giao cho một người có uy tín để làm trưởng nhóm.

Nhóm Hà Nội chúng tôi được cấp trên giao cho Lê Công Chuyện là trưởng nhóm, nhưng chỉ là cái danh nghĩa thôi, làm sao quản lý nổi những con ngựa bất kham khi đã tháo bỏ dây cương như chúng tôi. Thằng Vũ C15 tuy bé nhỏ, mặt búng ra sữa nhưng ngang ngạnh, không thích sự sắp đặt của ai. Thằng Bình Cối C13 to khỏe như voi, chỉ thích nói chuyện bằng nắm đấm. Trung Đen D7 cục tính cao lừng lững như võ sỹ. Chuyện cũng biết vậy nên vui vẻ hòa đồng theo đoàn, cùng nhau cộng sinh, cộng tử.

Đúng 8h sáng ngày 25 tháng 9 năm 1983 chúng tôi bước chân lên xe GMC. Tạm biệt trung đoàn, tạm biệt các đồng đội thân yêu.

Nổi mừng vui vỡ òa. Xe ra đến cổng doanh trại thì nhìn xuống... thấy hai con chó đang đánh vào nhau tự tình, cả đám lính nhìn theo, cười như nắc nẻ. Tôi lại khác, có dự cảm chẳng lành. Tôi từng gặp những trường hợp tương tự trong lúc đi chiến đấu. Thường thường là có một vài ca khiêng về. Giờ là về nước, về tuyến sau làm sao mình lại lo sợ một cách vu vơ như thế nhỉ. Xe bon nhanh trên đường, gió phàn phật làm tung mái tóc rậm rì của tôi, bao năm rồi đâu được ngồi trên ô tô, cứ cái đà

này về đến đồn 23 chỉ khoảng 2 ngày. Họ có đỗ lại ở một cái chợ hay thị trấn nào không nhỉ? Mình sang Căm mà chỉ thấy rừng rú... giờ về tuyến dưới rồi có chậm thêm một vài ngày cũng chẳng sao. Miễn được ngồi trên xe, chật mấy cũng chịu được.

Đến ngã ba, gặp đường cái lớn thì xe dừng lại. Có nhiều lính cũng không vũ khí như chúng tôi đang ngồi chờ tại ngã ba.

Anh tài xế bảo chúng tôi xuống xe, anh nói chỉ chở chúng tôi đến đây là hết nhiệm vụ. Rồi anh quay xe phóng trở lại hướng trung đoàn.

Chúng tôi chẳng thấy một chiếc xe ô tô nào tới, lính áp tải cũng chỉ có 4 người, thấy lạ tôi hỏi:

- Sao xe lâu đến thế đồng hương?
- Làm gì có xe, đây đang chờ mấy thằng E95 xuống là ta xuất phát.
- Lại đi bộ à? Sao không có xe, mà đi bộ đến tận đâu thì có xe?

Anh ta không trả lời, một lúc sau có thêm một toán lính E95 khoác ba lô từ hướng Choăm Ksan xuống, mấy lính này tóc dài như con gái. Chẳng hiểu nó gian khổ đến đâu mà lại nuôi được mái tóc tốt đến thế. Có lẽ cán bộ đơn vị này cũng thật dễ dãi.

Chúng tôi tiếp tục hành quân bộ theo trục đường lớn, thỉnh thoảng lại thấy một vài chiếc xe phóng như bay trên đường, xe chở đạn dược hoặc lương thực thực phẩm cho đơn vị. Chẳng hi vọng gì xe chở hết được 200 thằng lính xuất ngũ.

Đi mãi đến trưa, đoàn mới đến chợ Tà Ben, một nơi dân cư sầm uất sát bên bờ sông Sen, nơi đây có một đơn vị công binh của F307 chốt. Chúng tôi gặp ngay Mùi Điền lính D15, Mùi kéo chúng tôi vào một quán ăn gần chợ. Hồi ở huấn luyện Mùi cùng đại đội 4 chúng tôi, rồi lại chuyển sang C1 nên cả đám lính Hà Nội E29 đều biết, anh ta hơn chúng tôi những 5 tuổi nhưng tính khí bốc đồng, ăn nói văng mạng nên chúng tôi coi anh cùng một lứa cá mè như nhau. Chợ Tà Ben cũng bình thường không nhiều hàng hóa lắm, buổi trưa nên chợ vắng tanh. Tôi bước vào quán đã thấy Bình Cối và Dũng Bà Già đang si xúp húp mỳ, Bình mời tôi:

- Ăn hủ tiếu đi đồng hương, ngon lắm!

Tôi cũng bảo bà chủ quán làm cho một bát, bà bắt trả tiền ngay. Lâu rồi không ăn quán, bây giờ thấy bở ngỡ. Tiền nong chúng tôi không thiếu. Tiền truy lĩnh 2 năm liền đã dùng gì đâu, chỉ có điều không biết tính tiền ra sao nên tôi cứ đưa bữa đồng tiền mệnh giá cao nhất để cho bà ta trả lại. Ăn bát hủ tiếu ngon quá, sợi mỳ vàng ánh, mùi vị hơi lạ. Đó là lần đầu tiên tôi được ăn hủ tiếu. Ăn xong ra ngoài uống nước cùng Mùi Diên, khen cuộc đời nhà binh của ông anh Mùi Diên sướng như ông hoàng, chẳng bù cho các thằng em bộ binh khốn khổ như cún, may mà còn mang gạo về. Đang tán hươu tán vượn thì có lệnh lên đường.

Đoàn quân không tắc sắt trong tay, trong ba lô nặng trĩu những kỷ vật chiến trường, lại còn cống thêm một ruột tượng gạo đủ cho bảy ngày ăn. Với lính bộ binh chúng tôi quen hành quân vác nặng không sao, nhưng một số lính trực thuộc trung đoàn như thằng Vũ, Thằng Chuyện thì quả là cực hình, khổ nhất thằng Lợi Lùn quay viên 15W hai tay nó cạng ra giữ quai ba lô vì bị đau vai, đôi bàn chân phồng rộp đi cà nhót, trông thật thảm thương. Bình Cối khỏe nhất, lùi lại đội hình cống đỡ cho Lợi Lùn chiếc ba lô, chỉ còn mỗi cái tượng gạo trên vai mà nó nghỉ lên, nghỉ xuống.

Lợi Lùn lại không biết bơi, khi qua suối. Tất cả đã sang hết bên bờ. Nhìn lại, thấy nó vẫn còn tần ngần. Chúng tôi phải bảo nhau bơi sang, hai thằng dìu hai bên, vậy mà nó vẫn còn sợ dúm dỏ.

Cả đoàn đi đông như vậy, nhưng chỉ có 4 tay súng dẫn đường, hai người đi đầu, hai người đi cuối... hình như các lính này không phải trinh sát... vì tôi thấy họ toàn dẫn đoàn đi theo đường mòn, không cắt rừng. Đi theo đường mòn cực kỳ nguy hiểm, rất dễ bị địch phục kích, hoặc đánh mìn.

Một hôm trời mưa như trút, đội hình đi theo đường mòn tới một sườn rừng xanh, nước chảy từ trên cao tràn xuống thành một thứ bùn sền sệt, đạp chân lên đá trơn trượt, tôi thấy phía dưới các lính ngã dúm dụi. Thường mọi khi tôi hay đi đầu, đi gần sát với người giao liên. Nhưng lần này tôi dừng lại để chờ Lợi

Lùn người yếu nhất đội hình. Nhìn cánh rừng tôi chợt thoáng trong đầu. Sao nó giống con đường qua đồi tròn C6 thế, cảnh chết chóc lại loang loáng trong ký ức tôi, nếu chỗ này địch phục kích thì... thương vong thật khủng khiếp. Đang lan man suy nghĩ... Đột nhiên, một tiếng nổ vang lên, mùi thuốc nổ hắt vào mũi tôi, âm thanh tuy nhỏ nhưng cũng đủ khiến cho cả đội hình nằm bò lăn xuống mặt đường, ở phía dưới cách tôi khoảng 3 người, có tiếng rên khe khẽ. Không gian lặng như tờ, phải mất 5 phút không tiếng động. Lúc này tôi mới hoàn hồn vì không phải phục kích, Tiếng rên to hơn, rồi tiếng gào khóc:

- Đồng hương ơi cứu mình với, đau quá!
- Biết đau là còn sống rồi, yên nào để mình ga rô. Mất nửa bàn chân thôi đồng hương.

Một lúc sau các đồng hương của người bị nạn... xúm vào xé áo băng bó lại vết thương, rồi chặt cây làm cáng.

Mìn 65-2A là mìn sát thương, chúng tôi gọi là mìn hạnh phúc, hồi ở Bak Anlong được đập mìn này chỉ mất đi một bàn chân, nắm chắc đường sống trở về quê hương. Nhưng lúc này đây, thì thật là lãng xẹt, cầm tờ giấy ra quân, giữ được cơ thể lành lặn cho đến cuối đời binh nghiệp, đó là cả một kỳ tích trời ban... chỉ vì đường về quá xa xôi, đánh cái “oành” ta trở thành phế binh, đau lắm chứ. Nhưng cũng may cho anh. Còn sống để trở về với mẹ, với người thân nơi quê nhà.

Đoàn quân lại tiếp tục đi trong mưa, đường còn dài, chúng tôi thay phiên nhau khiêng cáng thương binh về binh trạm.

Đến gần binh trạm, nhóm chúng tôi rẽ vào một nhà sàn ven đường hút thuốc, gọi riêng Bình Cối, Trung Đen và Vũ Lùn họp bàn về kế hoạch mới, cần phải làm ngay trong đêm,

Nhóm chúng tôi vào binh trạm muộn nhất, mọi người đã chuẩn bị chỗ nghỉ. Gần 200 cựu binh dồn chặt cứng vào một khu hội trường, không đủ cho chúng tôi nèn vào thêm. Đành kéo nhau ra cổng doanh trại, tìm chỗ mắc võng dưới chân nhà sàn của dân.

Theo kế hoạch đã bàn lúc chiều, chờ cho trời tối hẳn, bốn người chúng tôi khoác áo mưa kín mít, đột nhập vào trong doanh trại. Đi hết các lán, nhằm vào những giá súng đã được chấm từ lúc lấy cơm. Lúc này, trong doanh trại đông như hội, mỗi lán đều có hơn chục lính, họ nói chuyện huyên náo cả đơn vị, không phân biệt đâu là chủ và khách.

Chúng tôi nhanh tay thu hoạch những trái da láng màu xanh nặng trĩu đang treo lủng lẳng trên những giá súng khắp doanh trại (Để cho công bằng... chỉ hái mỗi giá hai hoặc ba quả), rồi rút êm về chỗ nằm của nhóm. Chúng tôi đếm tất cả là 15 trái lựu đạn M67 mang nhãn hiệu USA, chia đều cho mọi người. Thằng nào cũng có phần. Những người có khả năng chiến đấu cao được nhận hẳn 2 trái. Sau khi thực hiện hành vi này, chúng tôi rất áy náy. Có thể các đồng đội sẽ bị khiển trách, nhưng lúc này đây chúng tôi rất cần để bảo toàn tính mạng. Một quãng đường dài hun hút, không vũ khí trong tay, hiểm nguy rình rập trong gang tấc... làm sao tránh nổi những tình huống bất trắc. Chỉ cần vài tên địch không chính quy, cầm vũ khí thô sơ thôi... cũng có thể đoạt mạng chúng tôi dễ như giết một đàn cừu. Được cầm trong tay trái lựu đạn này cũng đủ để cho chúng tôi tự tin đi một chặng đường dài về bên kia tổ quốc.

Sáng hôm sau, chờ cho đoàn ra hết ngoài cổng doanh trại, lúc đó nhóm chúng tôi mới hòa nhập theo hàng quân, nhìn về hướng bình trạm vẫn không có chút động tĩnh gì. Như vậy là chúng tôi đã an toàn, cảm ơn những người lính đã tạo điều kiện cho chúng tôi có một món quà đặc biệt. Cầu trời phù hộ cho đồng đội ở lại bình an, sớm hoàn thành nghĩa vụ.

Đoàn chúng tôi cứ miết mãi cuộc bộ, mấy ngày trời dầm mưa dãi nắng. Không có thời gian tắm rửa, cơ thể bốc mùi, bàn chân phồng rộp. Tôi bắt đầu bị vài vết hắc lào và ghẻ lở. Đã có một số người vứt những đồ vật không cần thiết, lính bộ binh chúng tôi thì chẳng có gì mà vứt. Nhưng trong đoàn không thiếu gì lính quản lý, thủ kho cả đời gom góp của chím của nổi trong đơn vị... nên khi trở về mang chiếc ba lô còn to hơn người, cuối cùng cũng vứt dần, chỉ còn cái ba lô xẹp lép. Nhưng cũng có một số

lính vác giò phong lan nặng trĩch và chiếc lồng chim yểng công kền vẫn kiên trì cho đến chặng cuối cùng.

Hôm nay đoàn chúng tôi lại nhập vào đường cái lớn, khi cơn mưa vừa ngót thì chúng tôi đặt chân đến địa phận bãi đá đen. Một đồi đá thấp trơ trọi, đầy vết lằn của bánh xe ô tô, những vũng nước đục ngầu ẩn chứa đầy mìn đè, mìn tặng. Xung quanh không có một vật cản, chỉ thấy lác đác vài cây khộp dầu bé bằng cổ chân, những hòn đá như lưng bò lưng lợn nằm ngổn ngang khắp nơi, chúng tôi phải thận trọng từng bước đi. Bình Cối đứng ngay cạnh một cái hố to như cái thúng chờ tôi đến, Bình chỉ tay nói với tôi:

- Có lẽ chỗ này thằng Điệp, thằng Hạm chết vì mìn tặng.
- Tui nó bị từ tháng 5 năm ngoái chắc họ đã san lấp, đây là hố mới rồi.

Thương thay 2 thằng đồng hương, tất cả đoàn có 5 thằng Hà Nội ngồi trên ô tô trên đường về chính sách... bị một quả mìn tặng hát tung, khiến cho Dương Công Hạm và Đoàn Văn Điệp bị hi sinh. Thật đáng tiếc cho hai tân sinh viên của trường “Đại học bách khoa” và “trường đại học y” hai người học giỏi nhất trong đám lính hà nội chúng tôi. Giờ đây các bạn nằm đâu? Nghĩa trang nào? Có ghi đúng họ tên và địa chỉ không? Hay họ chỉ đắp cho xong một nắm mồ sơ sài không tên, không địa chỉ. Rồi vài năm sau chỉ còn là một ngôi mộ của người liệt sỹ vô danh.

Tôi vừa đi vừa lầm rầm khấn nhỏ “cầu xin hai đồng hương phù hộ cho mình được an toàn trở về tổ quốc nhé!” Tôi đi rồi vẫn thấy Bình Cối đứng chấp tay khấn vái.

Sẩm chiều, vừa đói vừa mệt, chúng tôi đến một binh trạm nằm trên một quả đồi thấp, từ xa đã thấy lấp ló mái tranh của doanh trại. Bỗng đột nhiên... một loạt AK từ trong doanh trại vọng ra. Tất cả đoàn đứng sững người, lại một loạt nữa. Chúng tôi không hiểu sao, đành đứng im bên đường chờ đợi. Không quên rút lựu đạn ra thủ thế. Một lúc sau có một anh chạy xuống đồi nói lại với lính dẫn đường:

- Trong đơn vị có thằng anh nuôi bị sốt rét ác tính, nó lên cơn cầm súng bắn chết quản lý rồi, bọn tao đang tìm cách giải quyết hậu quả. Không ai nấu cơm đâu, bây giờ mày dẫn đoàn sang đơn vị khác cách đây khoảng 3 cây số thôi.

Chúng tôi lại tiếp tục hành quân...

Hôm nay, chúng tôi đặt chân tới thị trấn Chhep vào một buổi trưa, trời cũng đã ngớt mưa. Chhep là một thị trấn nghèo nằm phía đông của ngõ tỉnh Preah Vihear. Thị trấn này trước đây bọn tôi hay gọi là “công xã” Chhep vì nơi đây, khi tôi mới đến. Có những dãy nhà sàn bé nhỏ, làm theo một khuôn mẫu giống nhau, sắp xếp ngay ngắn theo hàng lối, có một hội trường rộng lớn và những bàn ăn tập thể đủ chứa hàng trăm người. Đối diện bên kia đường là cơ quan hành chính của chính quyền khơ me đỏ. Sư đoàn 307 chúng tôi tiếp quản đã lấy nơi này làm sư đoàn bộ. Cho đến bây giờ là sư đoàn bộ của F315.

Tất cả đám lính trung đoàn 29 chúng tôi được dồn về hội trường lớn, còn các đơn vị khác nằm rải rác khắp nơi. Người dẫn đường nói rằng, chúng tôi ở đây chờ xe ô tô đến đón, cơm nước bây giờ phải tự túc.

Chúng tôi lột lá trái võng xuống đất, nắn giữa trung tâm hội trường. Xung quanh là lính các địa phương khác. Là cùng lính trong một trung đoàn nên chúng tôi đều biết nhau, rất hiểu tính nhau, không hề phân chia vùng miền và cục bộ địa phương.

Lính Quảng Đà vì đông người nên nấu riêng. Nghĩa Bình, Thuận Hải Phú Khánh gộp vào một nhóm. Nhóm chúng tôi được Lê Công Chuyện rất chu đáo, hấn vào doanh trại F315 ngoại giao mượn được 2 chiếc nồi nhôm, vào dân xin được vài quả bí đỏ, cắt củ Lợi Lùn, Hùng Đồi và Dũng Bà Già làm anh nuôi. Tôi và Bình Cối hái rau kiếm củi. Trung Đen giở tiếng miên dẫn Vũ Lùn, Long Trĩ vào dân ngoại giao mua bán đổi chác.

Trưởng nhóm Quảng nam- Đà Nẵng, có thằng Chinh to cao đẹp trai là lính Văn Nghệ trung đoàn, nó chuyên đóng vai anh bộ đội tình nguyện Việt Nam, nhóm nay xài sang nhất, vài ngày lại thịt một con chó.

Tôi cũng đề xuất mua chó về thịt ăn cho đã thèm, thằng Vũ, thằng Bình trợn mắt, gạt đi:

- Thịt chó à? Dẹp ngay, không chó má gì hết... Hôm thằng Điệp, thằng Hạm cùng mấy thằng trinh sát E liên hoan chia tay bằng thịt chó. Trên đường về ăn ngay quả mìn tặng. Mà bọn mày không sáng mắt ra à!
- Không chó thì gà vậy, chú ăn bí đỏ mãi tao ớn đến tận mang tai rồi.

Hôm sau, Trung Đen cầm tiền vào phum mua hai con gà, tưởng được ăn bồ bã, nào ngờ thằng Chuyện cho ngay một nắm muối to tổ bố vào nồi, bắt Lợi Lùn kho mặn, ăn dần.

Ngày này qua ngày khác, chờ mãi không thấy xe nào đón. Mãi mới thấy một xe Jin 130 đi ngược hướng chúng tôi vào F315, trên thùng xe chở một vài người lính. Tôi nhận ra ngay Chu Đức Cường trinh sát sư C21 F307 là đồng hương cùng nhập ngũ với chúng tôi. Tôi hỏi nó:

- Đồng hương đi đâu vậy?
- Tao trả phép, bây giờ về đơn vị.
- Đoạn lên đơn vị mình còn lâu mới có xe, mày vào chỗ tao mà nghỉ.

Cường đồng ý ngay, Chu Đức Cường dáng người cao ráo, da trắng, đôi môi mọng đỏ, cặp mắt ướm đa tình. Ở trinh sát sư hẳn là một chiến sỹ táo bạo, nghiệp vụ tương đối tốt, lý luận vững chắc nên được được kết nạp Đảng rất sớm, rồi được phong chức trung đội trưởng. Mới đây vừa được thăng cấp quân hàm thiếu úy, rồi về phép. Cường khoe với chúng tôi, lần này trở về đơn vị nhận chức Đại Đội phó trinh sát sư đoàn.

Tôi thấy thật khâm phục và tự hào có một người đồng hương tuyệt vời, đã phấn đấu không mệt mỏi để có những thành quả như ngày hôm nay. Nhưng cũng thật ái ngại cho đồng hương phải lặn lội, vượt một chặng đường dài đầy hiểm nguy mà chúng tôi vừa đi qua. Phải có một nghị lực phi thường mới dám dấn thân quay lên tuyến trước.

- Đi trên đường cẩn thận nhé, có vũ khí chưa?

- Chỉ có một khẩu K54

Bình cối buông một câu:

- Hay mày về cùng chúng tao đi, lên đây không khéo KP2 nó lượm mất đôi kè... thì khổ.

- Mẹ cái thằng này, trù ẻo tao à?

- Không, không tao thương mày thì tao bảo thế thôi, còn đi hay về là tùy ở mày nhé hề hề.

- Tao đảo ngũ ông già tao giết, thôi tao quyết rồi, các đồng hương đừng cản.

Các lính vệ binh F315 cũng rất quý chúng tôi, đêm nào cũng sang chúng tôi nghe kể chuyện chiến đấu. Có một thằng em nói giọng Bắc cứ xoắn lấy tôi hỏi chuyện, nó bảo:

- Em tên là Tuấn, mẹ em đẻ rơi em dưới gốc tre, thuộc quận Thường Tín, thủ đô Hà Nội nên mọi người bảo em là “Tuấn người Việt gốc tre”.

Tôi không nhịn được cười:

- Hà Nội làm gì có quận Thường Tín, mà người Việt gốc tre là sao?

- Thì em dự đoán, trước sau Thường Tín cũng lên cấp quận của thủ đô.

- Em là dân tập kết nên cứ gọi là người Việt gốc tre cho lạ tai.

Có nó tếu táo cũng thấy vui vui, đêm nào chỗ chúng tôi cũng nhộn lên từng tràng cười. Thấy tôi bị ghẻ lở hắc lào nó bảo:

- Món này chữa dễ ợt, chiều nay đi tắm em bày cho cách, chỉ cần vài ba hôm là khỏi.

buổi chiều nó rủ tôi đi tắm, rồi bẻ cây muồng trâu, một loại cây hay mọc gần ao, đầm. Nó bảo tôi chà cho thật kỹ vào vết ghẻ. Công hiệu thật, vết ghẻ cũng dần dần se mặt, sau vài ngày thì hắc lào, ghẻ lở bay sạch, không còn cảnh cả ngày lẫn đêm gãi cào cào. Thật biết ơn thằng “người Việt gốc tre”

Vào một buổi sáng, sau hơn một tuần chờ đợi. Một chiếc xe GMC đầu tiên đến đón chúng tôi. Nhóm chúng tôi còn thiếu 2 người, còn ở trong phum đó là. Thằng Hóa và Long Trĩ. Nhóm Quảng Nam - Đà Nẵng lên xe đầy đủ. Trung Đen rủ tôi cùng

khoác ba lô chạy ra xe, nó nhảy phắt lên thùng rồi cùng thằng Chinh Văn Nghệ thò tay kéo tôi lên. Chuyện và Bình Cối đuổi theo, quát to:

- Tuấn, Trung xuống ngay, không được đi lẻ... phải có tổ chức chứ, định bỏ anh em sao?

Tôi và Trung đen đành nhảy xuống xe, đi vào hội trường. Xe nổ máy lăn bánh. Đám lính trên xe reo hò phấn khởi. Một lúc sau, khoảng 15 phút một tiếng nổ vang trời, chúng tôi chết sững. Lính trong doanh trại chạy rầm rập ra hướng có tiếng nổ, đến tận gần trưa thằng Tuấn “người Việt gốc Tre” mới về, nó kể:

- Xe vừa ra ngoài thị trấn khoảng 2km, thì bị mìn tãng. Hai người hi sinh ngay tại chỗ, còn bị thương rất nhiều, em không kịp đếm. Bọn em khiêng hết lên xe, chuyển về trạm phẫu quân khu

Tưởng về đến Chhep là đã an toàn, một địa danh gần nhất với Quân khu tiền phương, là nơi hậu tuyến chỉ viện cho sư đoàn chúng tôi trong những lúc nguy cấp. Ấy vậy mà “Âm” xác đồng đội tung lên không trung như trăm mảnh sao trời. Chúng tôi cũng không còn nước mắt để khóc cho đồng đội, tuyến lệ đã khô rồi, tâm hồn trai sạn trong từng trận đánh. Cái chết đồng đội không còn lạ lẫm đối với chúng tôi, chỉ buồn. Một nỗi buồn bất lực. Tôi là người lính trinh sát, người dẫn đường cho hàng trăm chuyến đi trên vùng chiến địa đầy mìn, đầy địch... vẫn trở về an toàn. Mà giờ đây phải gửi gắm số phận trên nóc thùng gỗ ô tô.

Sáng hôm sau, 3 chiếc GMC đón chúng tôi ngay cổng doanh trại F315, chia tay Chu Đức Cường, chia tay thằng em sư đoàn 315 chúng tôi leo lên thùng xe, lần lượt từng người một. Không hồ hởi, không ồn ào. Âm thầm bước lên thùng xe, lặng lẽ như âm hồn bước lên chuyến đò của thần Charon đi vào cõi chết... phó thác cho ván bài số phận.

Chiếc xe từ từ chuyển bánh, phum bản lùi xa về phía sau lưng. Ra cánh đồng. Xe gài số tăng tốc, gió phạt ào ào qua mái đầu các cựu chiến binh. Xe vào rừng xanh, vẫn không hề giảm tốc độ. Rừng cây chạy lùi vun vút, bên đường cành lá quật tới tấp vào

đầu, vào mặt chúng tôi. Hết rừng xanh, lại qua bãi trống, bụi tung ngút trời. Mặc kệ, chúng tôi không kêu ca, phàn nàn. Chỉ mong sao tài xế phóng cho thật nhanh. Hết tốc lực nếu có thể. Càng nhanh bao nhiêu thì càng xa vùng nguy hiểm bấy nhiêu.

Tôi nắm chắc vào thành xe, mắt nhắm tịt... mặc cho xe rung lắc. Mặc cho ổ gà, ổ voi hành hạ... có hề chi, chúng tôi đã chịu đựng quá nhiều rồi, có khổ thêm một chút cũng không sao, miễn đừng bị mìn, bị phục thương vong mất mát trong lúc này. Cầu trời, cầu phật cho chúng tôi được yên lành trở về đất mẹ thân yêu, để được thanh thoi ngắm sông núi nước mình, được nghe giọng nói thân thương của các mẹ, các chị, các em phụ nữ Việt Nam. Đó là ước muốn cháy bỏng của tất cả chúng tôi, những người bị dồn nén bao năm trên chiến trường xa tổ quốc.

Xe đến Thala qua rừng khộp dầu ngút ngàn, xe dần dần giảm tốc độ. Xa xa những bóng dừa những vườn chuối hiện ra trước mắt, những doanh trại bộ đội nhấp nhô bên đường. Lúc này chúng tôi như choàng tỉnh giấc, chỉ tay về những nơi chúng tôi đã từng đặt chân, kể lại từng hướng hành quân diệt địch, chỗ này đơn vị dừng chân, chỗ kia đuổi địch chạy dài. Rồi chuyện đói khát, rồi nổi hi sinh... cứ thế chúng tôi tranh nhau kể, như thể không nói ngay sẽ quên hết những địa danh nơi chúng tôi đã từng qua đó. Những câu chuyện không đầu không đuôi chỉ dừng lại khi xe chúng tôi đến bờ sông Mê Kông.

Sông Mê Kông đây rồi, một dòng sông rộng lớn, một lần ranh của chiến tranh và hòa bình. Khi năm 1979 chúng tôi vượt sông Mê Kông truy kích địch, đã có lính nói rằng:

- Tụi mình qua sông Mê Kông, có khác gì như con tốt sang sông khó về.

Xe dừng lại chuẩn bị xuống phà, chúng tôi chạy ủa xuống bờ sông. Vục tay xuống dòng sông, tấp nước lên mặt, nước sông mát lạnh. Thật sung sướng biết bao. Không hiểu sao một con cá nóc bé nhỏ tấp vào lòng bàn tay của tôi. Con cá căng tròn như quả bóng, dáng hình ngộ nghĩnh, thấy lạ tôi khoe mọi người, anh lái xe nói:

- Cá nóc nước ngọt, chỉ thấy có ở sông Mêkông. Loài này có độc không ai dám ăn. Nên thả nó đi.

Tôi thả con cá xuống dòng sông, nhìn theo cho đến khi mất hút.

Hồi năm 79 tôi còn đi xuống qua sông, nhưng vào ban đêm nên không thể biết con sông này rộng lớn đến nhường nào. Giờ đây ngồi trên phà mới thấy con sông Mêkông thật là hùng vĩ, đứng giữa dòng sông nhìn sang bờ đông là nơi bình yên, ngoảnh lại bờ tây là nơi hiểm nguy chúng tôi vừa qua, ở nơi ấy. Đồng đội tôi vẫn đang cầm súng, dầm mưa dãi nắng, phục kích, chốt đường, truy quét, tải thương. Nỗi khổ trăm bề. Luôn nhớ về tổ quốc.

Chúng tôi mới đi được nửa đoạn đường, còn nửa đoạn đường nữa mới về đến Việt Nam.

Sang bên này sông là thị xã Stung Treng, những hàng me chạy dọc ven sông thật là thơ mộng. Anh lái xe dừng trước cửa chợ Stung Treng, tạo điều kiện cho chúng tôi được vào chợ mua sắm.

Chợ Stung Treng tương đối sầm uất, hàng hóa đa dạng, những sạp hàng đầy ắp hàng Thái Lan. Vải vóc xếp từng đống, bật lửa đèn pin, thuốc lá SaMit, xà phòng Camay, son thỏi, áo phông, dép tông gan gà v.v... Sao hàng hóa Thái Lan ở đâu đổ về nhiều đến thế, vùng chiến chúng tôi ở rất gần biên giới Thái Lan... làm gì có được những mặt hàng xa xỉ này. Nhìn mấy bà bán hàng béo đên cầm máy tính điện tử tính tiền mà thấy mình quá lạc hậu... đến Stung Treng này tôi mới nhìn thấy chiếc máy tính.

Chúng tôi tíu tít mua hàng. Tôi mua vài gói bột ngọt, Chục tuýp Kem đánh răng mặt quý, vài bánh xà phòng Camay, một cây thuốc lá SaMit... không quên mua đôi dép tông gan gà cho bản thân mình và một chiếc khăn cà ma làm quà kỷ niệm. Nhìn sang Bình Cối cũng đã hòm hòm, nhưng vẫn cố tìm mua cho bằng được chiếc đồng hồ Oren ba sao đỏ rực. Thằng Trung Đen còn mua thêm 2 bịch cần sa, ở chợ này cần sa treo lủng lẳng trên sạp, bán công khai như thuốc lá thuốc Lào.

Chúng tôi hồ hởi lên xe, khoe mua được những món hàng ưng ý. Xe lăn bánh chạy về hướng BungLung, nơi tôi điều trị ở trạm phẫu quân khu tiền phương. Xe đến ngã ba lại nhớ chiếc xe tăng M113 của ta bị vướng mìn ngày mở đầu chiến dịch... Chẳng mấy chốc đã về Bokeo nơi trung đoàn chúng tôi uống chung một vũng nước đầy xương người... Đây rồi, chỗ này... lần đầu tiên những tân binh chúng tôi trở thành lính chiến.

Xe dừng lại tại đồn 23, được lính biên phòng đưa ra một bãi cỏ rộng, yêu cầu chúng tôi tháo ba lô trái áo mưa, xếp đồ để kiểm tra. Có lẽ họ cũng thông cảm với cánh lính F307... nên việc kiểm tra cũng rất sơ sài. Tôi quên hẳn còn 2 trái lựu đạn US vẫn nằm trong túi cóc ba lô, lừa lúc họ không để ý... tôi vờ đi tiểu, vung tay quăng mạnh hai trái lựu đạn vào trong rừng sâu, vứt bỏ hết những gì liên quan đến vũ khí chiến tranh. Rồi quay về chỗ, miệng lẩm bẩm hát:

Trả súng đạn này, khi sạch nợ sông núi rồi

Anh trở về quê, trở về quê... tìm tuổi thơ mất năm nao.

Chiều mùng 8 tháng 10 năm 1983 chúng tôi bước qua cửa khẩu đồn 23. Không ai bảo ai, tự quay đầu nhìn lại đất nước Campuchia. Không ai nói một lời, giống như đang mặc niệm. Bỗng một anh thấp lùn đội mũ Polpot phá tan sự im lặng trang nghiêm, bằng giọng nói xú nẫu khàn khàn:

- Các đồng hương! Quỳ xuống, vái ba vái cho nó nhẹ lòng.

- Khai bỏ mẹ, vái cái đếu gì.

Đúng thật, hai bên cổng chào của cửa đồn, cỏ chết vàng ươm. Từng vũng nước tiểu lưu lại đặc sánh tạo thành một thứ chất lỏng màu nâu sền sệt, mùi khai bốc lên nồng nặc.

- Tụi bay không vái, tao vái... Tao phải vái.

Như một mệnh lệnh vái thẳng cũng quỳ thụp xuống vái lia lia.

- Vái xong chưa? Để đến lượt tao... đái.

Một thằng cao to, không biết đơn vị nào, vạch moi quần tồ tồ xả nước, khiến cho cả bọn cũng bị lây theo.

Chúng tôi leo lên xe, phóng thẳng đường 19. Qua nghĩa trang Đức Cơ, hai bên đường hoa dã quỳ đang mùa nở rộ. Những ngôi mộ liệt sỹ trải dài ngút ngàn tầm mắt, xe đi mãi mới hết khu nghĩa trang,

Đến địa phận Thanh An thì xe chết máy. Anh lái xe loay hoay mãi không chữa nổi. Anh nói với mọi người trên xe nên nghỉ lại, ngày mai đi tiếp. Phần lớn các lính bỏ xe hành quân bộ về hướng Pleiku. Riêng mười người chúng tôi quyết định nghỉ lại tại một trạm xá xã nằm ngay ven đường.

Bình Cối càu nhàu:

- Không biết trong nhóm này có thằng nào làm điều gì ác mà suốt cả một chặng đường mắc đầy tai ương, đến tận đây vẫn chưa được yên.

Thằng Vũ vừa cười vừa nói:

- Mà ý chứ còn ai! Mà là thằng chỉ huy khẩu đội cối ở 547, đập đúng hướng tấn công của nó, chết ít nhất cũng phải vài chục mạng, nó oán là phải.

Bình Cối đớp lại:

- Tao ăn thua gì, thằng Trung Đen quẹt 12li7 mới gớm. Địch đồ rào rào như đốn chuối.

Tất cả hồ hởi nhao nhao kể tội, đổ lỗi cho nhau... rồi cùng nhau cười khà khà khoái chí.

Tôi im lặng kiểm điểm lại xem bản thân có mắc lỗi gì không? Chắc là không... họa chẳng chỉ có lần làm đao phủ tử hình một tên tù binh. Còn khi đi truy quét gặp địch nhiều cũng nổ súng hỗ trợ, địch chết sống ra sao mình đâu có được tính công, dành phần.

Đám trẻ trong làng xúm lại quanh chúng tôi, nghe chúng tôi ôn lại chuyện chiến đấu, chúng tỏ ra rất thú vị.

Chuyện hỏi một bé gái lớn tuổi nhất trong đám:

- Có chỗ nào bán gạo và rau không em gái? Bọn anh mua để nấu cơm chiều.

Em chạy vào làng, một lúc sau dẫn theo một bà trung tuổi, bà nói:

- Các con nghỉ ngơi, tắm rửa đi... để cho lũ nhỏ nó nấu cho, lát về ăn. Các con mới ở bên kia về à?

Lâu lắm rồi, giờ mới được nghe giọng phụ nữ Việt Nam... thân thương quá, lời xưng hô như người mẹ với con cái trong nhà, khiến bản thân tôi cảm động thực sự. Ba cô gái tuổi chừng 15, 16 xúm vào chắt bếp, vo gạo, rửa rau, một loáng đã bung ra một mâm cơm thịnh soạn. Hai đĩa thịt lợn quyện hành thơm nức mũi, một đĩa rau muống luộc và một bát nước mắm ớt. Kể từ khi vào K, chưa hề lần nào được biết mùi nước mắm, 5 năm trời bây giờ mới được thưởng thức... ngon quá!

Chúng tôi ngỏ ý trả tiền má, nhưng bà gạt đi:

- Các con ở bên kia khổ trăm bề, má thương các con lắm, má nhận tiền của các con làm gì. Đứa nào tình nguyện ở lại đây má gả cháu gái cho.

Chúng tôi nhao nhao lên nhận làm cháu rể của má. Ba cô bé tuổi mới trăng tròn, xấu hổ đấm lưng nhau thùm thụp rồi liếc trộm chúng tôi. Được một đêm đầu tiên đặt chân lên một địa danh có cái tên đẹp đẽ, đẹp như những gì mà chúng tôi từng ước ao “xóm Thanh An”. Thanh bình quá, an lành quá. Thật là hạnh phúc khi chúng tôi được trở về vòng tay đất Việt, ngủ một giấc an lành trên mảnh đất Thanh An.



Tiệm ảnh “giã từ cuộc chiến”



thái vũ

bình cối

lợi luân

ng. tuấn

Dũng bà già

long trĩ

Chúng tôi khoác ba lô vào trạm khách. Tưởng chừng đám lính sẽ ở trong trạm rất đông, nhưng không ngờ... cũng chỉ lèo tèo có vài chục người, hầu hết ở tỉnh xa. Những lính ở gần như Nghĩa Bình hoặc Quảng Nam đều bỏ trạm về nhà hết thảy.

Cơm trưa trạm khách cũng không có gì thay đổi so với các bếp ăn thường ngày của lính... chúng tôi cũng không có gì phải kêu ca oán thán, chủ đề “nước mắm đại dương, nước canh toàn quốc” được ấn định trong cuộc đời lính như một điều tất yếu... nó thế đấy! Ăn được thì ăn. Không thì các vị tự kiểm soát cải thiện để tự bồi bổ cho bản thân.

Cũng không phải mất công đi chợ, một lúc sau đã có một vài bà chị tự vào trong trạm tiếp thị cung ứng thực phẩm cho tụi lính chúng tôi... lính từ bên kia, nhất là lính sống trong rừng thì tiền vẫn rủng rỉnh cách tiêu thì lớ ngớ nên bị các bà các chị chặt đẹp. Ấy vậy mà sao thấy vẫn quý các chị, vì chỉ các chị mới đáp ứng và tư vấn đầy đủ những món thiết yếu của lính.

Ăn trưa xong, Lê Công Chuyện lại bắt xe chạy ngược lên Đèo tìm thằng em họ đang định cư gần đó. Trung Đen khoác ba lô đi xuôi về Sài Gòn tìm Cha.

Chỉ còn vài người, Bình Cối mang Cà phê ra pha, mùi cà phê thơm ngào ngạt lan tỏa khắp phòng khách. Vị cà phê tây nguyên thú vị thật nó đầy quyến rũ, nó lôi kéo cả đám lính của các phòng bên tới góp vui. Những câu chuyện chiến đấu lại nổ như pháo rang. Ông nào cũng muốn kể thật hay về mình, về đơn vị mình để mình chứng rằng... mình là những người lính anh hùng đã từng dày dạn chinh chiến nơi miền xa đất lạ.

Chúng tôi để lại hai người ở nhà trông đồ đoàn tài sản, còn lại ra khỏi cổng trạm khách dạo chơi. Ngay rìa trạm khách có một quán cà phê nhỏ, hai cô gái khá xinh ăn mặc đúng mốt thị thành niềm nở đón chúng tôi giọng Sài Gòn ngọt như mía lùi:

- Mời anh hai vô quán. Các anh muốn uống nước gì? Cà phê, sinh tố, nước dừa món gì cũng có.

Một tay đội mũ Polpot đang sì sụp húp tô bún trong nhà cũng để vào

- Các đồng hương vào quán ủng hộ các em đi. Người nhà tui đó.

Hóa ra là anh chàng đội mũ Polpot khăn vải lia lịa trước cổng đồn 23. Chúng tôi lịch sự đáp lễ:

- Vừa uống rồi, đi cho tiêu cơm... lát nữa chúng tôi ghé lại.

Xuống khoảng vài nóc nhà gặp ngay một tiệm ảnh. Một tiệm ảnh đơn sơ mái lá nhưng bày la liệt những mẫu ảnh đã lồng trong những khung kính lớn. Toàn hình những sắc lính tinh nhuệ của Việt Nam cộng hòa. Nào là thủy quân lục chiến. Kỳ binh bay. Thiên thần mũ đỏ. Biệt động quân, thám báo. Kể cả sỹ quan Đà Lạt. Trên tay các nhân vật toàn vũ khí sát thương hảo hạng nào là lựu đạn da láng, dao găm Huê Kỳ. Súng ngắn sỹ quan. Tiểu liên cực nhanh Ar15...

Trong nhà đã thấy vài lính thay đồ đóng bộ rằn ri đội mũ sắt tay lăm lăm khẩu máy khẩu AR15 mắt gườm gườm nhìn vào ống kính. Chụp xong nhìn kỹ hóa ra mấy anh chàng thông tin, vận tải của trung đoàn tôi.

Bình Cối nhận xét:

- Ngẫu thật đấy. Giá như trên 547 tụi mày cứ ngẫu như thế này thì đây được nhờ.

Cả bọn cùng rú lên cười như ma. Một anh vận tải chọn cho tôi bộ thám báo hay biệt kích gì đó:

- Lính Trinh sát phải sài bộ này mới ngẫu. Đồng hương cứ nghe tui.

Tôi gạt phắt đi:

- Không cần đâu, Là lính chiến có sao chụp vậy, cứ tự nhiên mà diễn. Anh thợ cho bọn tôi vài kiếu nhé.

Anh thợ ảnh đưa ra hai cái phong đã vẽ sẵn. Một cái ghi "người về từ cuộc chiến", một cái là "Giã từ vũ khí" cả hai phong đều vẽ lửa cháy ngút trời, đạn dăng tứ phía, dây thép gai đâm nát trời chiều. Chúng tôi thấy nó giả tạo làm sao ấy, nên quyết định sang bên đường tìm một khe núi nhỏ kẻ đứng người ngồi tư thế tự nhiên làm một vài kiếu. Có chút kỷ niệm để nhớ một thời ta từng làm lính. Là lính thật sự chứ không cần phải khoác trên người một thứ đồ giả tạo phù phiếm.

Trên đèo Măng Giang

Sau khi ăn sáng tại khách sạn Pleiku. Chúng tôi lục tục khoác ba lô ra bến xe liên tỉnh. Bình Cối rủ tôi rẽ vào một quán nhỏ bên đường mua thêm 2kg cà phê, loại đặc biệt. Nó bảo:

- Cà phê phải mua ở đây mới ngon. Về nơi khác chẳng biết thật giả như thế nào.

Mười người chúng tôi ngồi theo đội hình vòng tròn giữa sân bến xe, tất cả ba lô đồ đoàn dồn vào trong đê phòng trộm cắp. Hình như những thành phần du thủ du thực tại bến xe đi đâu mất dạng, có lẽ chúng cũng ngấm hiểu, không nên dây với đám lính từ cối chết trở về vì lính ở rừng vẫn còn mang trong người rất nhiều di chứng của chiến tranh, họ rất nhiều kỹ năng chiến đấu. Nếu trộm cắp không thành, vô phúc bị bắt được chắc chắn một điều sẽ trở thành tàn phế cả cuộc đời.

Các anh cảnh sát cũng lảng ra thật xa không dám tiếp cận gần với những người lính mang binh phục nhuộm màu đất đỏ. Chỉ còn lại những người dân thường và vài bà buôn chuyến đường dài vẫn tò mò theo dõi chúng tôi.

Thị xã Play Cu tương đối đẹp. Những căn nhà xây theo kiểu biệt thự nằm quanh co theo con đường trải nhựa, có vỉa hè lát gạch, số lượng cây xanh tương đối nhiều tạo nên cảm giác êm ả, thanh bình và thơ mộng.

Chúng tôi leo lên một chiếc xe đò. Cũng là lúc các bà các chị buôn chuyến khiêng tải lớn tải nhỏ chất đầy trong xe, họ lợi dụng đám lính chiến để tránh những trạm kiểm soát của công an và phòng thuế.

Một cô gái trẻ bê một bao tải lớn nhờ tôi kéo qua cửa sổ chuyển vào trong xe. Rồi nhanh như sóc dùng động tác rất gọn chui qua cửa sổ nơi tôi đang ngồi. Tôi cũng thò tay hỗ trợ kéo nàng lên. Như có một luồng điện ấm áp chạy từ bàn tay xuống đến tận gót chân, thêm phần cả cơ thể người phụ nữ êm ái trườn qua người tôi khiến tôi ngây dại. Ngay cả cái mùi mồ hôi chua nồng của người phụ nữ kia cũng làm tôi đờ đẫn. Vừa về nước, được ngồi bên cạnh một em gái Việt... quả là một đặc ân hiếm

có. Năm năm trời luôn rùng rợn tìm địch. Qua phum bản gặp chị em khơ me chỉ dám đứng xa mà ngắm. Giờ đây... vai kề vai hông kề hông. Sự cọ sát xác thịt qua từng cơn rung lắc của chiếc xe cà tàng. Có lẽ cả hai cùng đồng lõa, cùng hòa quện với nhau theo nhịp lắc lư vui nhộn khi bánh xe dần xuống những ổ gà lớn nhỏ dưới đường.

Trên xe chỉ nghe thấy đám lính huyền thuyên kể chuyện chiến đấu, Thỉnh thoảng lại buông ra một vài câu tiếng Miên bồi ra điều ta từng chinh chiến ở cái nơi mà chỉ có ta mới học được những ngoại ngữ bí hiểm này. Tôi im lặng tận hưởng sự êm đềm khoái cảm, mặc cho xe lên dốc xuống đèo. Đèo Măng Giang hiểm nguy có tiếng, cái thời cách đây 5 năm tôi qua đây. Trời mưa phùn, đoàn xe chở tân binh vượt đèo một xe lao xuống vực chết bị thương vô khối. Giờ qua đây đâu có sợ vì đã có sẵn em gái hậu phương. Là điểm tựa, là chỗ dựa tuy không chắc chắn nhưng cũng là phần an ủi duy nhất vào lúc này.

Xe lên đỉnh đèo đến trạm kiểm soát thì dừng lại. Mấy tay thuế vụ cầm thước sắt chọc vào các bao tải. Đám lính la ó phản đối. Ngăn cản người thi hành công vụ.

- Này các ông thước cẩn thận vào đồng thuốc nổ đã lắp kíp là các ông tiêu đời đó nghe.

Họ cũng kiểm tra qua loa rồi cho xe lăn bánh. Cô gái tranh thủ mua thêm chục cái bắp luộc chia cho chúng tôi, tình quân nhân trở nên gắn kết hơn. Lúc này tôi mới kịp hỏi chuyện:

- Em tên gì? Nhà em ở đâu?

- Dạ! Em tên Mai. Nhà em ở Tây Sơn.

- Chà! Gái Tây Sơn giỏi võ lắm, nhìn qua thân thủ của em khi bay lên cửa sổ ô tô thì anh đã đoán ra ngay.

- Anh nói quá. Đó là thói quen hằng ngày của em thôi mà. Các anh ở bên kia về à? Chắc ác liệt lắm... phụ nữ tụi em rất thương các anh.

- Em đã có gia đình chưa?

- Dạ rồi. Chồng em đi năm 81, một năm sau thì báo tử. Em phải gửi con qua ngoại, lên trên này đi chuyến buôn bán nhì nhằng nuôi con.

Thật thương cảm người phụ nữ trẻ, 20 tuổi em đã phải mất chồng, 20 tuổi em đã phải dấn thân trên khắp nẻo đường Tây Nguyên. Đương đầu bao nỗi cực nhọc, thức khuya dậy sớm tìm đầu ra đầu vào. Chốn tránh nhà chức trách để có thêm thu nhập.

- Cả đêm qua em không chợp mắt. Giờ buồn ngủ quá.

Nói vậy. Mai gục đầu vào vai tôi, nhắm mắt chìm vào giấc ngủ. Hai tâm hồn thiếu hụt tìm nhau bù đắp. Xe đò vẫn lắc lư như ru, như vỗ khiến cho các hành khách khép hờ đôi mi. Tất cả chìm trong tĩnh lặng, chỉ có tiếng động cơ ì ầm và làn gió cuối cùng của cao nguyên thổi ù ù qua cửa sổ. Xe đò trôi xuống dốc êm ả đã đến Địa phận Bình Định. Các lính gọi nhau í ới:

- Đến trạm rồi nhé, xin mời các đồng hương xuống xe.

Mai choàng tỉnh giấc, ngạc nhiên hỏi tôi:

- Các anh xuống đây à? Mai mốt em ghé thăm anh.

Tôi chỉ kịp gạt đầu... rồi bị đám lính đẩy dần ra gần cửa xe.

Khi xuống xe tôi vẫn còn tần ngần nhìn theo người con gái. Cho đến khi xe mất dạng.

Bình Cối đứng sau lưng tôi nhận xét:

- Xinh đấy. Mà hên thật.

Vũ lùn nhìn tôi từ đầu đến chân:

- Kiểm tra xem có mất cái gì không. Mấy thằng lính như bọn mình về nước hay bị ăn quả lừa lắm.

Tôi cười xòa:

- Đòi lính như mình trên rừng, dưới chỉ có cái vỏ đạn thì mất được cái gì. Không mất mà tao còn được hơn tụi mày cơ.

- Được cái gì?

- Được em tặng cho bắp ngô luộc to hơn bọn mày.



Đêm mưa Diêu Trì

Những ngày trở về đất Bắc là những ngày hứng trọn những trận mưa miền trung dài lê thê không dứt. Chúng tôi vẫn đi đủ đội hình 10 người mặc dù Trung Đen đã nhảy tàu xuôi vào Sài Gòn tìm cha, vì ba Trung là cán bộ tập kết người miền nam đã chuyển vào Sài Gòn công tác. Bổ xung vào đội hình là cậu em họ của Chuyện tên là Xuân, cậu ta vào Nam khai hoang định cư tại An Khê tiện đường theo Chuyện ra Bắc thăm lại quê nhà.

Cửa ga Diêu Trì mưa bay nặng hạt, gió mạnh quất từng đợt vào đầu vào mặt chúng tôi. Tất cả chúng tôi đứng nép vào vỉa hè hẹp và cao của một căn nhà sát cửa ga để trú mưa. Thằng Lợi Lùn nhỏ bé nhất đoàn hai hàm răng đánh lập cập vuốt nước trên mái tóc ướt sũng, thì thầm:

- Lạnh quá, có mỗi tấm áo mưa bọc kỹ hàng và giấy tờ nên ngại mang ra.
- Đồng hương chui vào trong để tụi mình che gió cho. Cảm lạnh là làm khó cho tất cả đồng bọn đó nghe.

Phố nhỏ đã lên đèn, không hàng quán nào mở cửa. Người đi thưa thớt trong mưa. Mười người lính mặt bủng da chì co ro bên sân ga vắng lặng, thật lạc lõng như lũ khách đêm đông trong một bài hát xưa cũ đã từng miêu tả.

Còn 3 tiếng nữa mới được lên tàu. May nhờ có cái vỉa hè cao ráo trú cho đến khi ngớt mưa đổ vào ga. Long Trĩ lại lên cơn sốt rét, mặt nó tái đi ngồi quy xuống đất. Đang lúi húi lục thuốc thì đèn ban công bất sáng, lạch cạch tiếng mở chốt cửa, một người phụ nữ trẻ ngó qua khe cửa nhìn chúng tôi. Tôi nhanh miệng:

- Mưa to quá, anh em chúng tôi xin trú tạm. Tạnh mưa sẽ đi ngay.

Chị mở rộng cánh cửa và mời chúng tôi:

- Không sao đâu, mời các anh vào trong nhà nghỉ ngơi. Ngoài đó mưa lớn hắt ướt hết người.

Chúng tôi đang e ngại vì sợ làm ướt nhà nên có ý từ chối. Chị hiểu ý ngay nói nhanh:

- Các anh đừng ngại gì, em pha nước ấm mời các anh uống, chắc các anh mới từ bên kia về phải không?

Những người lính như chúng tôi, không thể lẫn vào đâu được với làn da đen cháy như than, môi thâm vì sốt rét. Đất đỏ vẫn bám bờ trên chiếc ba lô xộc xệch... Cách xã giao ngờ nghệch như người trên cung trăng. Không cần giới thiệu dài dòng... những người dân vùng này cũng đều hiểu ngay đó là lính chiến trường k trở về.

Chúng tôi nhón chân khép nép bước vào trong nhà, vẫn ái ngại bùn lấm xuống sàn gạch đá hoa. Một căn nhà gạch tương đối rộng, sạch sẽ. Cách bài trí đơn giản, bàn ghế cũng rất đơn sơ không cầu kỳ. Sát tường là chiếc tủ ly dán phocmika vân gỗ, loại tủ phổ thông của thị dân miền nam thời trước năm 1975. Trên mặt tủ là một tập sách và vở của học sinh. Tôi đoán có lẽ chị là giáo viên. Chị rót nước mời chúng tôi. Thật ngạc nhiên trong nhà chỉ có một mình chị. Như hiểu được sự thắc mắc của chúng tôi, chị vừa gọt hoa quả vừa nói:

- Ba má em có chút chuyện nên về quê vài hôm, chỉ có em ở nhà một mình. Mời các anh uống nước, ăn hoa quả.

Dưới ánh đèn nhìn khuôn mặt chị thật thanh tú, cách nói chuyện lịch lãm, chắc có lẽ chị bằng tuổi hoặc hơn chúng tôi chút ít, nhưng cách cư xử của chị làm chúng tôi nể trọng rất nhiều. Một người phụ nữ trẻ tương đối đẹp dám mời một đám lính rừng vào nhà trong đêm mưa gió thử hỏi có ai dám can đảm. Chỉ có những người thật lòng thương những người lính nơi chiến trường mới có thể chào đón chúng tôi không cần cân nhắc đề phòng.

Bình Cối nêu ra câu thắc mắc này:

- Anh hỏi thật nhé! Em có ngại khi mời bọn anh vào nhà không?
- Từ trong khe cửa em đã xem và nghe hết các anh nói chuyện với nhau rồi. Vì thấy các anh biết thương yêu nhau, biết chăm sóc cho những đồng đội trong lúc ốm đau thì làm sao em có thể đứng đưng không giúp đỡ. Cũng vì một phần nữa, nhìn

các anh em lại thấy thương các bạn học của em hiện cũng đang chiến đấu tại đất k như các anh.

Chỉ có vậy, trong một khoảng thời gian chưa đầy 2 tiếng đồng hồ mà để lại cho tôi một kỷ niệm sâu sắc.

Chuyến tàu lặn bánh còn quay lại sân ga nhỏ, nhưng thời gian trôi đi là đi mãi mãi. Không biết người phụ nữ đó tên gì? Chỉ biết chị là cô gái thánh thiện... nhà ở cửa ga Diêu Trì.

Trong 10 người chúng tôi có thể người nhớ, người quên nhưng ai đã nhớ tới thì không thể không kính trọng người con gái trong mưa... đêm hôm đó.

30/8/2023

Bơ vơ đất Huế

Đoàn tàu chở chúng tôi ra Bắc được tám sững trong cơn mưa dai dẳng, hình như cả dải miền trung phủ dày đặc trong con nước. Tưởng rằng 10 người chúng tôi có vé sẽ được ngồi thoải mái trên những chiếc ghế theo đúng số thứ tự. Nhưng không, những con buôn đã nhồi nhét hàng hóa khắp mọi nơi. Dưới gầm ghế, giữa lối đi cơ man những bao tải thúng mủng, túi lớn túi nhỏ, mùi cá khô, rau củ quả đủ các loại bốc lên nồng nặc.

Chúng tôi gác chân lên các kiện hàng, chia nhau canh gác đề phòng trộm cắp nhấc mất ba lô.

Đến ga Đà Nẵng tàu dừng lại tương đối lâu, hình như họ lại nhồi thêm hàng vào các chỗ trống còn lại. Vài người khách lên tàu, cố tình len vào chỗ chúng tôi để ngồi, dù có đuổi họ vẫn nài nỉ bằng được nhất quyết không đi. Chúng tôi xuống ga mua thêm hơn hai chục cái bánh mì để ăn chống đói.

Tàu lại rời ga, dò dẫm trong mưa... ì ạch kéo theo những mớ hỗn độn của nhân gian vượt đèo Hải Vân trong màn mưa xối xả. Nhìn ra cửa sổ, phía dưới mênh mông biển nước, hành khách trên tàu nín thở cầu mong nhanh qua khỏi khúc đèo lớn và nguy hiểm trong cơn mưa tầm tã.

Xuống đến Lăng Cô chúng tôi mới hoàn hồn, rời tàu thông thả vào đất Huế. Huế đây rồi... Huế mộng, Huế mơ. Tâm hồn lâng lâng khiến tôi khe khẽ cất lên vài câu ca trong bài hát Diễm Xưa:

- Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ. Dài tay em mấy thừa mắt xanh xao.

Mà cũng lạ, những bài hát về Huế thường rất hay khi tả về mưa. Có lẽ mưa mới có cảm xúc khi miêu tả về con người và khung cảnh của vùng đất cố đô thâm trầm và sâu lắng.

Đến ga Huế. Chúng tôi bỏ bánh mì ra ăn, lâu lắm rồi mới được thưởng thức món bánh mì thơm thảo. Hồi bên ấy, ước ao đến nao lòng, chỉ mong muốn có một mẩu bánh mì giòn tan nhấm nháp trong khi phục kích đêm mưa hay chót đường nắng cháy.

Điều mong ước nhỏ nhoi thôi mà đến bây giờ mới được thỏa mãn.

Có một số hành khách khác nhau còn khá lâu mới thông đường. Phía Quảng Trị hay Đông Hà bị nước ngập sâu. Có nơi còn bị sạt lở lấp cả đường sắt rất khó khắc phục.

Lúc này chúng tôi thật sự lo lắng. Tiền mang trong người cũng gần cạn, nếu như binh trạm 556 giải quyết sớm thì đâu đến nỗi. Họ đứng đĩnh kéo dài thời gian ăn chực nằm chờ mất hai tuần mới ký quyết định. Ăn chơi đến tiền núi cũng hết.

Sáng hôm sau, trời vẫn sập sùi mưa bay. Ngồi trên tàu mà như lửa đốt. Nếu như còn ở trong chiến trường thì tụi này đâu sợ đói, chỉ cần vào bất kỳ đơn vị nào trong quân khu, tìm mấy thùng đồng hương hoặc báo cáo với chỉ huy đơn vị sở tại những lý do khó khăn vì lạc đơn vị, kiểu gì cũng có một xuất cơm chống đói. Mà kỹ năng sống trong môi trường rừng núi của lính chiến đã có dư kinh nghiệm, chịu khó bớt chút thời gian, một loáng đào bới, săn bắt nhì nhằng cũng ấm chân răng. Giờ đây sên nhả ra thất nghiệp, lính rừng lưu lạc trong sân ga thành phố biết kiếm gì để duy trì sống.

Cũng rất may lúc này dân buôn chuyến phía nam chuyển ra Bắc rất nhiều hoa quả, chủ yếu là quả lêkima ruột bở đầy tinh bột màu vàng cam giống như lòng đỏ trứng gà, họ bán rất rẻ. Chúng tôi mua về từng mũ cối ăn dần, ngày đầu và ngày thứ hai còn thấy ngon... mấy ngày sau mắc ứ trong cổ họng nhìn đồng lêkima đã thấy phát ớn. Bàn cùng thường sinh ra đạo tặc, tôi đã nghĩ đến mấy bao tải gạo còn nằm dưới chân mình, nó tồn tại trước cả khi chúng tôi bước chân lên tàu, từ ga Diêu Trì đến Huế mà chưa hề nhìn thấy chủ nhân của nó.

Đang lan man suy tính nghĩ cách móc hàng... thì Lê Công Chuyện từ đâu trở về rủ tôi có vẻ rất bí mật:

- Đồng hương đói chưa? Đi theo tôi.

Chuyện dẫn tôi đi về phía cuối nhà ga, đến một căn nhà đất cũ kỹ lợp bằng tôn, có một bà mẹ tuổi khoảng 50 cùng vài cháu nhỏ khoảng 12 đến 15 tuổi đen đúa nhem nhuốc. Quanh nhà là

thúng, mẹt và hộp kính có quai... tôi đoán có lẽ các em là những người bán hàng rong trong ga. Không biết Chuyện làm quen từ lúc nào mà các em cứ quấn lấy Chuyện. Về công tác dân vận thì Chuyện đã có thâm niên, Chuyện hiền lành nói năng lễ phép nên thường được trung đoàn trưởng cho đi làm chuyên gia dân vận và quân sự của xã Giềng huyện Choăm Ksan.

Bà mế đơn đả trải chiếu mời chúng tôi ngồi xuống ăn cơm, một nồi cơm trắng nóng hổi bày ra. Trên mâm là cá kho giềng, canh cua mồng tơi và một bát cà muối trắng phau. Tôi có vẻ ngần ngại nhưng mế đã dúi bát cơm vào tay tôi:

- Cơm đang nóng các con ăn đi, đừng ngại. Mạ vẫn thường xuyên giúp những người cơ lữ như các con. Các con biết không, ngày xưa mạ nuôi cán bộ nằm vùng cả tháng trời còn được, vài ngày này nhằm nhò chi.

Bữa cơm thật ngon, tuy đơn giản thôi nhưng được trộn lẫn hương vị của tình người khiến nó khác biệt và nhớ mãi. Khi ăn xong mế lại gói cơm và thức ăn đưa cho chúng tôi mang về cho các đồng đội còn ở trên tàu.

Mế nói:

- Ngày mai, ngày mốt nếu tàu chưa chạy thì các con cứ đến đây mạ nấu cho các con ăn.

Những ngày sau chúng tôi không muốn làm phiền mế, nhưng các em nhỏ vẫn mang đến cho chúng tôi lúc thố cơm, lúc bọc khoai lùi, khi vài bắp ngô luộc.

D8 E29 F307

Quán cóc

November 22, 2022

Quán cóc không biết có từ bao giờ, khi tôi còn nhỏ đã thấy xuất hiện ở Hà Nội rồi. Hầu hết các quán đều tênh toàng xiêu vẹo, chủ yếu lợp tranh vách đất. Quán nhỏ chỉ chứa khoảng năm sáu người.

Một chiếc bàn gỗ mộc đen bóng do chủ quán lau chùi thường xuyên. Hai chiếc ghế băng chạy xong xong với bàn uống nước. Có những ông bất cẩn ngồi chênh vênh bên đầu ghế vô tình đầu bên kia một anh đứng dậy, tùng bê... ngã chổng vó lên trời. Vừa tức vừa xấu hổ vác tầm điếu cày định phang cho vài phát vào đầu. Bà chủ quán lại phải ra tay hòa giải.

Trên mặt bàn bày bán những loại bánh kẹo dân gian như kẹo lạc, kẹo dổi, kẹo vùng và kẹo gôm. Kẹo được bảo quản trong những lọ thủy tinh dưới đáy lọ thường lót bằng vôi cục để chống ẩm. Ngoài ra còn có bánh gai buộc lạt một thếp 5 bánh và bánh đa bọc trong túi nilon treo tòng teng trên dui nhà. Đã là quán không thể thiếu trà mạn được ủ trong bình tích lớn, mùa đông cho đến mùa hè trà lúc nào cũng phải nóng bỏng môi. Để đáp ứng nhu cầu đổi ẩm của khách hàng, chủ quán còn thêm một ấm trà xanh hoặc nước vối. Trong quán không chỉ có nước giải khát mà còn bán cả rượu trắng để phục vụ các thần lưu linh... có một quán trước đây tôi hay ngồi uống trà buổi sáng, vui lắm... các đàn anh hầu như uống rượu trắng nút lá chuối không thèm uống trà Thái rất xanh và ngon, toàn bàn chuyện tồn vong đất nước... dần dần vắng bóng các anh... mới 40, 50 tuổi đời đã rủ nhau rẽ trái ngã ba Văn Điển, bỏ lại bà chủ quán thân thương. Lớp đàn em thấy vậy không dám hỏi đến thứ nước trắng trắng, dùng đục nút lá chuối ấy nữa.

Đã là quán nước phải có thuốc lá, thuốc lào. Điếu cày ống nứa, luôn luôn được chủ quán thông nỏ bằng lông gà nên tiếng kêu giòn tan vang xa đến tận vài chục nóc nhà.

Thú vị làm sao khi gió heo may về ngồi nhâm nhi ngậm trà rít một điếu thuốc lào đến tận đáy phổi, ém hơi từ từ phả ra

những làn khói trắng như mây tuôn vãn vũ. Từng nơ ron thần kinh được hấp thu chất thuốc tỏa ra khắp cơ thể đến đầu ngón tay, ngón chân, luồn lên từng sợi tóc... tê bì đến cả má và làn môi. Ôi! thật khoan khoái... rồi từ từ chống tay ngã ngửa xuống nền đất nện, mắt nhắm nghiền tận hưởng tinh hoa của trời đất.

- Kệ nó! Đừng động vào nhé! Nó đang say, say thuốc lào là cái say vô cùng sung sướng.

Bà chủ quán nói vậy khi có người định quan tâm chăm sóc.

Quán nước là một trung tâm câu lạc bộ. Nơi mà ai cũng có thể tham gia. Họ tranh luận đủ các loại đề tài... từ chia sẻ việc riêng của gia đình mình, đến sự bất bình lối sống khác người của một ông hàng xóm.

Chuyện chiến đấu khi xưa khi còn tại ngũ là những câu chuyện không có hồi kết... ông nào cũng cho rằng ta chiến đấu ngoan cường ở một đơn vị mấy lần phong anh hùng, anh bá. Chuyện nọ sọ chuyện kia rồi lại cãi nhau loạn xạ quán về một câu hỏi khó (có mấy loại đạn AK?).

Những khi mưa ngâu rả rích lại có ông cao hứng bình thơ Tế Hanh, Giang Nam đầy mỹ từ chí tình, chí lý... làm cho ai ngồi nghe cũng phải gật đầu ngẫm ngợi. Rồi vỗ đùi đen đét. (Hay! Quả là rất hay).

Quán tuy nhỏ nhưng đôi khi trở thành nghị trường tham luận. Tranh cãi đến cùng những luận điểm mình cho là đúng. Những nhà yêu nước diễn thuyết sùi bọt mép, tay cầm điều thuốc mà rung hết tàn không thể rít được lấy một hơi. Bên kia một tay triết gia cầm điều thuốc lào, đóm châm đến ba, bốn lần mà không thể đặt vào được nõ điều. Chuyện Tàu với Mỹ, chuyện Nga với U là những cuộc tranh luận bất phân thắng bại. Chuyện tham nhũng, chuyện đốt lò của cụ Tổng cũng được đưa ra mổ sẻ ngẫm ngợi, quan ngại cả việc lười bò của Trung Nam Hải đe dọa đến vùng biển phía đông của tổ quốc thân yêu.

Những người bình dân trong quán cóc nhỏ. Thật dễ thương, cứ tưởng họ là những kẻ thấp hèn... xích lô ba gác nhưng cứ

thủ tiếp cận xem. Phỏng vấn đi biết đâu lại tìm được những con người lý luận sắc bén hơn cả những vị được ngồi vào ghế dân cử. Quán cóc, tôi chỉ thấy nhiều ở thủ đô Hà Nội. Quán cóc tiếp nhận đủ thành phần. Có thể một ông tây ba lô từ nơi xa lạ tới hoặc một chú Grag mồ hôi nhễ nhại ghé qua vẫn trở thành thân quen qua vài câu hỏi han của người ngồi bên cạnh. Quán cóc là vậy nó như một loại đặc sản. Nếu có dịp đến tham quan Hà Nội, xin mời mọi người một lần ghé qua.



Đông đội tôi chết
muôn ngàn kiêu
nhưng ai cũng từ già
côi đời trong bình
tĩnh, bởi họ được
từ già trong ấm áp,
yêu thương...

ĐOÀN TUẤN
(Mùa chinh chiến ấy)

Chúng tôi ngã xuống
như những ngọn cỏ
khi gặp ngọn lửa chiến
tranh. Gần đến mức
người thấy mùi cỏ cháy,
mùi của chiến trận và
cảm nhận nỗi đau khi
đồng đội hi sinh...

Cỏ không mất đi mà sẽ
hồi sinh. Những mầm
cỏ non lại mãnh liệt
vươn lên mặt đất, lại
xanh tươi ngút ngàn, lại
ngoan cường bám trụ
cho đến khi hoàn thành
sứ mệnh của nó.

NGUYỄN TUẤN



ISBN;
978-604-347-541-8



GIÁ: 139.000 Đ



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

